

Số: /BC-UBND Thành phố Lai Châu, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương năm 2024; Dự toán thu ngân sách và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025
(Trình kỳ họp thứ hai mươi, Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu
khoá IV, nhiệm kỳ 2021-2026)

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29/12/2023 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố về đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2024, dự toán thu ngân sách và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025 như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

Nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 được triển khai thực hiện trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức: Sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn; áp lực kiểm soát lạm phát do biến động tăng của tỷ giá, điều chỉnh giá điện, tiền lương..., thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, thị trường bất động sản trầm lắng chưa có dấu hiệu phục hồi đã ảnh hưởng đến nguồn lực thực hiện dự án đầu tư công... Trước bối cảnh đó, Ủy ban nhân dân thành phố đã quyết liệt chỉ đạo điều hành nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2024 theo đúng các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh trong đó nghiêm túc thực hiện quy định của Chính phủ về chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đảm bảo quốc phòng, an ninh, chính sách an sinh xã hội trên địa bàn.

Trên cơ sở đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 như sau:

I. THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

Dự toán thu ngân sách địa phương HĐND thành phố giao năm 2024 là 481.292 triệu đồng. Ước thực hiện năm 2024 là 543.753 triệu đồng, đạt 114% so với dự toán tỉnh giao và đạt 113% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao. Nếu loại trừ các khoản thu kết dư, thu chuyển nguồn là 68.473 triệu đồng thì thực chất tổng thu ngân sách địa phương ước thực hiện là 475.280 triệu đồng, đạt 99% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao, cụ thể:

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn HĐND thành phố giao là 182.600 triệu đồng. Ước thực hiện năm 2024 là 122.195 triệu đồng, đạt 68% so với dự toán tỉnh giao và đạt 67% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao, đạt 97% so với thực hiện năm 2023. Thu cân đối ngân sách (*loại trừ khoản thu tiền sử dụng đất*) là 100.300 triệu đồng, đạt 111% so với dự toán tỉnh giao và đạt 107% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao, trong đó:

1.1. Thu thuế ngoài quốc doanh: Dự toán giao 42.000 triệu đồng, ước thực hiện năm 2024 là 50.000 triệu đồng, đạt 122% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 119% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao. Khoản thu tăng chủ yếu do UBND thành phố đã chỉ đạo thực hiện tốt việc quản lý nợ thuế và đôn đốc thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn.

1.2. Lệ phí trước bạ: Dự toán giao 24.900 triệu đồng, ước thực hiện năm 2024 là 23.000 triệu đồng, đạt 100% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 92% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao. Chỉ tiêu thu này không đạt do khoản thu chủ yếu phát sinh từ hoạt động mua bán, chuyển nhượng, đăng ký mới xe ô tô, xe máy và lệ phí trước bạ nhà đất nhưng năm 2024 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 109/2024/NĐ-CP về việc giảm 50% mức thu lệ phí trước bạ lần đầu với ô tô, rơ moóc hoặc sơ ni rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô được sản xuất, lắp ráp trong nước nên khoản thu lệ phí trước bạ đối với ô tô giảm không hoàn thành chỉ tiêu giao trong năm.

1.3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: ước thực hiện năm 2024 là 150 triệu đồng, khoản thu này phát sinh ngoài so với dự toán giao.

1.4. Thuế thu nhập cá nhân: Dự toán giao 11.600 triệu đồng, ước thực hiện năm 2024 là 10.000 triệu đồng, đạt 91% so với kế hoạch tỉnh giao và đạt 86% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao.

1.5. Thu phí, lệ phí: Dự toán giao 4.000 triệu đồng, ước thực hiện năm 2024 là 4.000 triệu đồng, đạt 100% so với kế hoạch tỉnh và Nghị quyết HĐND thành phố giao.

1.6. Thu tiền sử dụng đất: Dự toán giao 85.000 triệu đồng, ước thực hiện năm 2024 là 17.500 triệu đồng, đạt 21% so với kế hoạch tỉnh và Nghị quyết HĐND thành phố giao. Năm 2024 thị trường bất động sản tiếp tục trầm lắng, nhu cầu giao dịch về đất đai trong nhân dân ít phát sinh. Trong năm, Ủy ban nhân dân thành phố đã tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất, không đảm bảo theo kế hoạch giao thu.

1.7. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: Dự toán giao 10.650 triệu đồng, ước thực hiện năm 2024 là 10.650 triệu đồng, đạt 100% so với kế hoạch tỉnh và Nghị quyết HĐND thành phố giao.

1.8. Thu khác ngân sách: Dự toán giao 4.350 triệu đồng, ước thực hiện năm 2024 là 6.860 triệu đồng, đạt 158% (*tăng 2.510 triệu đồng*) so với kế hoạch tỉnh và Nghị quyết HĐND thành phố giao. Khoản thu này tăng cao do Ủy ban nhân dân thành phố đã quyết liệt đôn đốc các đơn vị thực hiện thu hồi sau kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, tài chính, phê duyệt quyết toán và thu tiền phạt vi phạm hành chính trên địa bàn.

1.9. Thu từ doanh nghiệp do địa phương quản lý: ước thực hiện năm 2024 là 35 triệu đồng, chỉ tiêu này phát sinh ngoài dự toán được giao.

2. Các khoản huy động theo quy định của pháp luật: 1.500 triệu đồng

3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:

Dự toán giao 319.142 triệu đồng, ước thực hiện năm 2024 là 359.480 triệu đồng, đạt 113% so với dự toán tỉnh và Nghị quyết HĐND thành phố giao. Bao gồm:

- Thu bổ sung cân đối: 245.037 triệu đồng.

- Thu bổ sung có mục tiêu: 95.931 triệu đồng, tăng 33.978 triệu đồng¹ so với dự toán tỉnh giao đầu năm.

- Thu bổ sung vốn các chương trình MTQG: 18.512 triệu đồng, tăng 6.360 triệu đồng² so với dự toán tỉnh giao đầu năm.

4. Thu chuyển nguồn ngân sách: 68.473 triệu đồng, bao gồm:

- Thu chuyển nguồn ngân sách thành phố: 64.832 triệu đồng

- Thu chuyển nguồn ngân sách xã, phường: 3.641 triệu đồng

(Chi tiết theo Phụ lục I kèm theo)

II. THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành chi NSNN

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện dự toán chi NSNN năm 2023³, đảm bảo tiết kiệm, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách; việc quản lý, mua sắm, sử dụng tài sản nhà nước theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định.

¹ Thu bổ sung có mục tiêu năm 2024 tăng 33.978 triệu đồng do trong năm Tỉnh bổ sung các nhiệm vụ: KP thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ phát sinh 3.650 triệu đồng; KP thực hiện CCTL theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP 27.368 triệu đồng; KP thực hiện các chế độ, chính sách ASXH, nhiệm vụ phát sinh, Nghị quyết HĐND tỉnh 1.245 triệu đồng; KP tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến tới đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng nhiệm kỳ 2025-2030 là 1.715 triệu đồng.

² Thu bổ sung vốn các chương trình MTQG năm 2024 tăng 6.360 triệu đồng do trong năm Tỉnh bổ sung các chương trình: KP thực hiện Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng ĐB DTTS và miền núi 4.504 triệu đồng (trong đó vốn sự nghiệp 3.750 triệu đồng; vốn đầu tư 754 triệu đồng); Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (vốn sự nghiệp) 1.728 triệu đồng; Chương trình MTQG xây dựng NTM (vốn đầu tư) 128 triệu đồng.

³ Quyết định số 92/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND thành phố về việc ban hành chương trình công tác trọng tâm của UBND thành phố Lai Châu năm 2024; Kế hoạch số 1209/KH-BCĐ ngày 12/4/2024 của Ban chỉ đạo chống thất thu ngân sách và thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn thành phố Lai Châu năm 2024; Công văn số 2895/UBND-TCKH ngày 16/8/2024 của UBND thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024...

Trước tình hình thu ngân sách còn gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn phải đáp ứng các nhiệm vụ chi theo dự toán và xử lý kịp thời các nhiệm vụ đột xuất phát sinh cho công tác phòng chống dịch bệnh, phòng chống thiên tai, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng an ninh, tổ chức các hoạt động phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch của địa phương. Ủy ban nhân dân thành phố đã chủ động điều hành chi NSNN chặt chẽ, triệt để tiết kiệm, bố trí trong phạm vi dự toán được giao để thực hiện các nhiệm vụ chi quan trọng.

2. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ở các lĩnh vực chi NSNN

Dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao 481.292 triệu đồng, ước thực hiện năm 2024 là 466.306 triệu đồng, đạt 97% so với kế hoạch tỉnh và Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao.

Chi tiết các lĩnh vực chi cụ thể như sau:

2.1. Chi cân đối ngân sách địa phương

Dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao là 469.140 triệu đồng, ước thực hiện năm 2024 là 449.988 triệu đồng, đạt 96% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao, chi tiết như sau:

a. Chi đầu tư phát triển

Dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao 81.227 triệu đồng, ước thực hiện năm 2024 là 43.101 triệu đồng, đạt 53% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao, trong đó:

- Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung: Dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao 21.677 triệu đồng, ước thực hiện năm 2024 là 19.115 triệu đồng, đạt 88% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao.

- Nguồn vốn Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung: Dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao 8.050 triệu đồng, ước thực hiện năm 2024 là 8.050 triệu đồng, đạt 100% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao.

- Nguồn thu sử dụng đất: Dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao 51.500 triệu đồng, ước thực hiện năm 2024 là 12.809 triệu đồng, đạt 25% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao.

- Nguồn vốn tăng thu ngân sách thành phố năm 2023 chuyển nguồn sang năm 2024: Ước thực hiện 1.943 triệu đồng.

- Nguồn tiết kiệm chi ngân sách năm 2023 chuyển nguồn sang năm 2024: Ước thực hiện 1.184 triệu đồng.

b. Chi thường xuyên:

Dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao 362.131 triệu đồng, ước thực hiện năm 2024 là 399.626 triệu đồng, đạt 110% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao; dự toán chi đã đáp ứng các nhiệm vụ theo dự toán và xử lý kịp thời các nhiệm vụ đột xuất phát sinh về phòng chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội. Các nhiệm vụ chi cụ thể như sau:

(1) *Chi sự nghiệp kinh tế*: Dự toán giao 70.491 triệu đồng, ước thực hiện 70.763 triệu đồng, đạt 100% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao. Do trong năm các đơn vị được bổ sung kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh như: Kinh phí thực hiện nhiệm vụ kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Kinh phí mua xe ô tô 7 chỗ 2 cầu phục vụ công tác chung và một số nhiệm vụ khác.

(2) *Chi sự nghiệp môi trường theo Nghị quyết số 47/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh*: Dự toán giao 3.000 triệu đồng, ước thực hiện 3.000 triệu đồng, đạt 100% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao.

(3) *Sự nghiệp giáo dục - đào tạo*: Dự toán giao 191.881 triệu đồng, ước thực hiện 215.135 triệu đồng, đạt 112% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao. Do trong năm được bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ, kinh phí thực hiện các chế độ chính sách giáo dục.

(4) *Sự nghiệp văn hóa - thông tin*: Dự toán giao 3.281 triệu đồng, ước thực hiện 3.601 triệu đồng, đạt 110% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao. Do trong năm được bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ...

(5) *Sự nghiệp thể thao*: Dự toán giao 628 triệu đồng, ước thực hiện 628 triệu đồng, đạt 100% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao.

(5) *Sự nghiệp truyền thanh*: Dự toán giao 2.286 triệu đồng, ước thực hiện 2.605 triệu đồng, đạt 114% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao.

(6) *Chi đảm bảo xã hội*: Dự toán giao 7.084 triệu đồng, ước thực hiện 7.991 triệu đồng, đạt 113% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao. Do trong năm được bổ sung kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, kinh phí mai táng phí, kinh phí cấp thẻ BHYT cho các đối tượng BTXH, người có công với cách mạng ...

(7) *Chi Quản lý hành chính*: Dự toán giao 38.365 triệu đồng, ước thực hiện 44.296 triệu đồng, đạt 115% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao. Nguyên nhân do các cơ quan, đơn vị được bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Kinh phí tổ chức đại hội đảng bộ các cấp tiến tới đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng nhiệm kỳ 2025-2030 và một số nhiệm vụ phát sinh khác.

(8) *Chi An ninh - Quốc phòng*: Dự toán giao 6.052 triệu đồng, ước thực hiện 7.248 triệu đồng, đạt 120% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao. Nguyên nhân tăng do trong năm địa phương thực hiện hỗ trợ các đơn vị thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh như: Kinh phí tổ chức Lễ ra mắt lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở năm 2024 trên địa bàn thành phố; Kinh phí tổ chức "Hội thi nghiệp vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Tổ liên gia an toàn phòng cháy, chữa cháy thành phố Lai Châu năm 2024"; Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của HĐND tỉnh và một số nhiệm vụ quan trọng khác.

(9) *Chi ngân sách xã*: Dự toán giao 38.373 triệu đồng, ước thực hiện 43.669 triệu đồng, đạt 114% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao. Nguyên nhân tăng do được bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ; kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách và một số nhiệm vụ khác phát sinh trong năm.

(10) *Chi khác ngân sách*: Dự toán giao 690 triệu đồng, ước thực hiện 690 triệu đồng, đạt 100% so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao.

c. Dự phòng ngân sách:

Dự toán giao đầu năm là 7.214 triệu đồng (*trong đó: ngân sách thành phố 6.301 triệu đồng, ngân sách xã 913 triệu đồng*), ước thực hiện năm 2024 là 4.711 triệu đồng, Bao gồm:

- Ước thực hiện chi nguồn dự phòng ngân sách thành phố 3.798 triệu đồng (*trong đó: Nguồn dự phòng năm 2024 là 1.443 triệu đồng; nguồn chi chuyển nguồn năm trước sang là 2.355 triệu đồng*).

- Ước thực hiện chi dự phòng ngân sách xã là 913 triệu đồng.

d. Chi từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2024: Dự toán giao 3.500 triệu đồng (*trong đó để lại 70% thực hiện CCTL theo quy định là 2.450 triệu đồng*), số ước thực hiện năm 2024 là 1.050 triệu đồng.

e. Chi từ các khoản huy động theo quy định của pháp luật: ước thực hiện 1.500 triệu đồng để thực hiện nhiệm vụ lập đề án quy hoạch chi tiết một số khu vực trên địa bàn thành phố Lai Châu năm 2024.

2.2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu

Nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: Tổng nguồn vốn NSTW được giao của 03 Chương trình MTQG năm 2024 là 12.152 triệu đồng (*trong đó: Vốn đầu tư là 10.294 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 1.858 triệu đồng*). Kế hoạch vốn đã phân bổ chi tiết 12.152 triệu đồng (*trong đó: Vốn đầu tư là 10.294 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 1.858 triệu đồng*). Ước thực hiện năm 2024 là 16.318 triệu đồng (*bao gồm cả nguồn vốn năm 2023 chuyển nguồn sang năm 2024*), đạt 134% so với dự toán đã phân bổ chi tiết, bao gồm:

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 1.338 triệu đồng.

+ *Vốn sự nghiệp: 1.338 triệu đồng*

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 5.075 triệu đồng.

+ *Vốn đầu tư: 3.262 triệu đồng*

+ *Vốn sự nghiệp: 1.813 triệu đồng*

- Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 9.905 triệu đồng.

+ *Vốn đầu tư: 7.732 triệu đồng*

+ *Vốn sự nghiệp: 2.173 triệu đồng*

(Chi tiết theo Phụ lục II kèm theo)

3. Công tác thu hồi nợ đọng thuế năm 2024

- Tổng số nợ đọng thuế năm 2023 chuyển sang năm 2024: 12.715 triệu đồng (*trong đó: Nợ có khả năng thu là 12.715 triệu đồng*).

- Tổng số nợ đọng thuế phát sinh năm 2024 đến thời điểm báo cáo là 37.164 triệu đồng (*Trong đó: Nợ có khả năng thu là 36.494 triệu đồng; nợ khó thu là 670 triệu đồng*).

- Số thu nợ đọng thuế đến thời điểm báo cáo là 35.322 triệu đồng (*Trong đó: Thu nợ năm trước là 9.825 triệu đồng; Thu nợ năm 2024 là 25.497 triệu đồng*).

- Số nợ đọng thuế còn phải thu đến thời điểm báo cáo là 14.557 triệu đồng (*Trong đó: Nợ có khả năng thu là 13.887 triệu đồng; nợ khó thu là 670 triệu đồng*).

4. Báo cáo tình hình thực hiện thu hồi theo kết luận của thanh tra, kiểm toán năm 2024

- Tổng số kiến nghị phải thu hồi nộp NSNN theo kết luận thanh tra thành phố trong năm 2024 là 1.767,4 triệu đồng (*trong đó: số kiến nghị chưa thực hiện những năm trước chuyển sang 1.767,4 triệu đồng, số kiến nghị phát sinh trong năm 2024 là 0 triệu đồng*), đến thời điểm báo cáo đã thu hồi nộp NSNN 280,5 triệu đồng, đạt 16% tổng số kiến nghị phải thu hồi.

- Tổng số kiến nghị phải thu hồi nộp NSNN theo kết luận kiểm toán nhà nước trong năm 2024 là: 90 triệu đồng (*Ban quản lý dự án*), đây là số kiến nghị chưa thực hiện những năm trước chuyển sang, trong năm 2024 không phát sinh kiến nghị thu hồi theo kết luận kiểm toán nhà nước. Đến nay số kiến nghị này vẫn chưa thực hiện, nguyên nhân do nhà thầu thực hiện dự án không còn hoạt động trên địa bàn nên việc thu hồi gặp rất nhiều khó khăn.

Trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện các kiến nghị theo quy định.

5. Đánh giá chung:

5.1. Ưu điểm

Công tác quản lý điều hành thu, chi ngân sách nhà nước đều được Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo thực hiện đảm bảo đúng các quy định của Luật NSNN, các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh. Thu cân đối ngân sách dự ước đạt 111% so với dự toán tỉnh giao và đạt 107% so với Nghị quyết HĐND thành phố giao. Cân đối thu, chi được bảo đảm đã đáp ứng yêu cầu chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị thành phố; chi cho các nhiệm vụ chính trị, thực hiện các Đề án, Nghị quyết của tỉnh, thành phố và nhiệm vụ phòng chống thiên tai, thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn thành phố.

Trong công tác quản lý vốn đầu tư, Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo các chủ đầu tư thực hiện nghiêm Luật đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân nguồn vốn đầu tư công theo quy định, các đơn vị được giao nhiệm vụ

chủ đầu tư, điều hành dự án đã thực hiện tuân thủ theo các nguyên tắc quản lý vốn đầu tư, thanh quyết toán theo đúng quy định

Các cơ quan, đơn vị đã chủ động tổ chức thực hiện dự toán, đúng nội dung dự toán giao; quản lý chặt chẽ các khoản chi đảm bảo thực hiện đúng chế độ chính sách, đúng dự toán được duyệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các biện pháp chống thất thoát, lãng phí và phòng chống tham nhũng; thực hiện triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, chi hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

5.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Mặc dù thu cân đối ngân sách ước đạt trên 100% so với dự toán thành phố giao, nhưng thu ngân sách trên địa bàn trong năm ước thực hiện chỉ đạt 67% dự toán giao. Nguyên nhân chủ yếu do tiền thu sử dụng đất đạt thấp (*ước đạt 21% so với dự toán tỉnh và thành phố giao*); năm 2024 thành phố đã tổ chức đấu giá đối với 02 thửa đất đủ điều kiện đấu giá nên nguồn thu sử dụng đất đạt thấp.

6. Một số giải pháp chủ yếu nhằm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ NSNN năm 2024

Với quyết tâm phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2024 đã được HĐND thành phố giao, bên cạnh việc tiếp tục tập trung thực hiện tốt các giải pháp đã đề ra theo chỉ đạo của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành ủy và HĐND thành phố; Ủy ban nhân dân thành phố đề ra một số giải pháp trọng tâm như sau:

(1) Tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp và người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương (*miễn, giảm, gia hạn thời hạn nộp thuế,...*); phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành trong công tác thu hút các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố.

(2) Chủ động cân đối, đảm bảo tập trung nguồn lực để chi cho công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai...; chi cho các chính sách an sinh xã hội và các nhiệm vụ cấp bách phát sinh.

(3) Tiếp tục tăng cường thực hiện các giải pháp chống thất thu ngân sách, quản lý chặt chẽ việc hoàn thuế; chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra về thuế; có kế hoạch, phân công cụ thể việc đôn đốc xử lý thu hồi nợ đọng thuế.

(4) Điều hành chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, trong phạm vi dự toán được giao. Kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách an sinh xã hội.

Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt các giải pháp đẩy nhanh giải ngân hết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, tiếp tục thực hiện các biện pháp nhằm tăng thu ngân sách, điều hành chi ngân sách hiệu quả, tiết kiệm.

(5) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn trên cơ sở kết quả trúng đấu giá đất năm 2024, kịp thời ban hành thông báo và hướng dẫn người trúng đấu giá quyền sử

dụng đất thu nộp vào ngân sách nhà nước kịp thời trong năm 2024. Chủ động, linh hoạt các biện pháp để giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công từ nguồn thu sử dụng đất năm 2024.

(6) Tiếp tục đẩy mạnh việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công (nhà, đất, xe ô tô, máy móc, thiết bị) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn để bố trí sử dụng, xử lý tài sản dôi dư theo đúng tiêu chuẩn, định mức và quy định của pháp luật và phân cấp của tỉnh.

(7) Nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành pháp luật về tài chính - ngân sách. Tăng cường công tác công tác tự kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị trong việc sử dụng nguồn vốn chống thất thoát, lãng phí và phòng chống tham nhũng.

Phần thứ hai

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH VÀ PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2025

Năm 2025 là năm cuối thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IV, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng phấn đấu hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tài chính - NSNN của nhiệm kỳ hướng tới Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ V, đòi hỏi cả hệ thống chính trị phải quyết tâm hơn nữa vượt qua mọi khó khăn, thách thức, xử lý tốt các vấn đề phát sinh, tận dụng mọi thời cơ, động lực để phát triển. Thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16/7/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, kế hoạch - tài chính ngân sách nhà nước 3 năm 2025-2027; dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Ủy ban nhân dân thành phố xác định mục tiêu nhiệm vụ NSNN năm 2025 là: Tổ chức điều hành chính sách tài khóa chủ động, linh hoạt, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính, đảm bảo nguồn lực thực hiện chính sách cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội gắn với đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ và lộ trình tinh giản biên chế theo các Nghị quyết của Trung ương, Kế hoạch của tỉnh; siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên.

Trên cơ sở đánh giá thu ngân sách năm 2024, dự kiến tình hình phát triển kinh tế xã hội năm 2025. Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025, cụ thể như sau:

I. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH

1. Thu ngân sách địa phương

Tổng thu ngân sách địa phương: 536.398 triệu đồng (*Bao gồm: Thu ngân sách trên địa bàn thành phố hưởng: 154.200 triệu đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 382.198 triệu đồng*). Cụ thể:

1.1. Thu NSNN trên địa bàn

Tổng thu NSNN trên địa bàn 170.300 triệu đồng, các chỉ tiêu thu ngân sách như sau:

- (1) Thu thuế ngoài quốc doanh: 55.300 triệu đồng
- (2) Lệ phí trước bạ: 23.000 triệu đồng
 - Ngân sách thành phố hưởng: 22.177 triệu đồng
 - Ngân sách xã, phường hưởng: 823 triệu đồng
- (3) Thuế thu nhập cá nhân: 11.000 triệu đồng
- (4) Thu phí, lệ phí: 4.300 triệu đồng
 - Ngân sách Trung ương hưởng: 900 triệu đồng
 - Ngân sách thành phố hưởng: 2.822 triệu đồng
 - Ngân sách xã, phường hưởng: 578 triệu đồng
- (5) Thu tiền sử dụng đất: 61.500 triệu đồng
 - Ngân sách tỉnh hưởng: 12.300 triệu đồng
 - Ngân sách thành phố hưởng: 49.200 triệu đồng
- (6) Thu tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 50 triệu đồng
- (7) Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: 10.150 triệu đồng
- (8) Thu khác ngân sách: 5.000 triệu đồng
 - Ngân sách Trung ương hưởng: 2.800 triệu đồng
 - Ngân sách tỉnh hưởng: 100 triệu đồng
 - Ngân sách thành phố hưởng: 1.610 triệu đồng
 - Ngân sách xã, phường hưởng: 490 triệu đồng

1.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 382.198 triệu đồng, (*bao gồm: Bổ sung cân đối 320.839 triệu đồng, Bổ sung có mục tiêu 51.550 triệu đồng; Bổ sung Chương trình MTQG 9.809 triệu đồng*).

2. Giao dự toán thu NSNN trên địa bàn

- 2.1. Ngân sách thành phố: 167.894 triệu đồng
- 2.2. Ngân sách xã, phường: 2.406 triệu đồng
 - Phường Đoàn Kết: 610 triệu đồng
 - Phường Tân Phong: 730 triệu đồng
 - Phường Quyết Thắng: 90 triệu đồng
 - Phường Quyết Tiến: 150 triệu đồng
 - Phường Đông Phong: 555 triệu đồng
 - Xã San Thành: 236 triệu đồng

- Xã Sùng Phài: 35 triệu đồng

(Chi tiết theo Phụ lục III, VI kèm theo)

II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Tổng chi ngân sách địa phương là 536.398 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương: 526.589 triệu đồng, bao gồm:

1.1. Chi đầu tư phát triển: Dự toán 59.844 triệu đồng, chiếm 11% tổng chi ngân sách địa phương, trong đó:

- Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung: 20.817 triệu đồng.

- Nguồn thu sử dụng đất: 38.462 triệu đồng.

- Chi đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết: 565 triệu đồng.

1.2. Chi thường xuyên: Dự toán 444.034 triệu đồng, chiếm 83% tổng chi ngân sách địa phương, chi tiết như sau:

(1) Chi sự nghiệp kinh tế: 64.694 triệu đồng, bao gồm:

- Chi sự nghiệp nông nghiệp: 3.414 triệu đồng

- Sự nghiệp giao thông: 1.000 triệu đồng

- Sự nghiệp thủy lợi: 3.000 triệu đồng

- Sự nghiệp kinh tế khác: 6.429 triệu đồng

- Chi công tác lập hoạch sử dụng đất, kinh phí đo đạc các dự án đất dôi dư trên địa bàn thành phố Lai Châu từ nguồn thu sử dụng đất năm 2025: 3.125 triệu đồng

- Hỗ trợ có mục tiêu: 46.046 triệu đồng

Đã đảm bảo các nhiệm vụ chi về hoạt động sự nghiệp môi trường, kinh phí duy trì, chăm sóc cây xanh đô thị; vận hành, sửa chữa điện chiếu sáng và một số các nhiệm vụ chi sự nghiệp kinh tế trên địa bàn thành phố.

- Kinh phí thực hiện các Đề án, Nghị quyết: 1.680 triệu đồng⁴

(2) Chi sự nghiệp môi trường theo Nghị quyết 47/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh: 3.000 đồng.

(3) Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: 252.215 triệu đồng, chiếm 47% tổng chi ngân sách địa phương. Trong đó:

- Chi sự nghiệp Giáo dục: 250.499 triệu đồng

Dự toán phân bổ đảm bảo các nội dung chi của biên chế sự nghiệp giáo dục, kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho học sinh theo các quy định của Trung ương⁵, các chế độ, chính sách theo chính sách của tỉnh quy định⁶; hỗ trợ

⁴ Bao gồm: Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025: 1.010 triệu đồng; Kinh phí thực hiện Đề án phát triển thương mại và dịch vụ du lịch trên địa bàn thành phố 670 triệu đồng.

⁵ Bao gồm: Nghị định 116/2016/NĐ-CP, kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP, kinh phí thực hiện Nghị định 81/2021/NĐ-CP, kinh phí hỗ trợ học tập cho học sinh dân tộc ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP, kinh phí thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên khuyết tật thuộc hộ nghèo và cận nghèo theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC.

⁶ Bao gồm: Kinh phí nấu ăn theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (bao gồm: Kinh phí nấu ăn theo Nghị định 116/2019/NĐ-CP và Nghị định 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ); Chính sách hỗ trợ trẻ em 24-36 tháng tuổi

kinh phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị dạy học cho các trường dự kiến đạt chuẩn quốc gia, duy trì trường chuẩn và cơ sở vật chất các trường, lớp học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới, lớp học thông minh; Hỗ trợ kinh phí duy trì hoạt động câu lạc bộ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc trong trường học giai đoạn 2021-2025 theo Kết luận số 224-KL/TU ngày 18/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh...

- Chi sự nghiệp đào tạo: 1.716 triệu đồng. Dự toán đảm bảo các nội dung chi về chế độ tiền lương các khoản phụ cấp, chi hoạt động của Trung tâm Chính trị; các khoản kinh phí đào tạo mở lớp và các chính sách đào tạo thu hút theo quy định.

(4) Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin: Dự toán 3.526 triệu đồng, chiếm 0,65% tổng chi ngân sách địa phương.

Dự toán đảm bảo các nội dung chi về chế độ tiền lương các khoản phụ cấp đối với viên chức sự nghiệp văn hoá, kinh phí tổ chức lễ hội, các hoạt động tuyên truyền, kỷ niệm các ngày lễ lớn, văn hóa văn nghệ, Tuần văn hóa du lịch, kinh phí hỗ trợ hoạt động của đội văn nghệ thôn bản theo Kết luận 224-KL/TU ngày 18/10/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Đề án "*Nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tư tưởng Đảng bộ tỉnh*"; Kinh phí duy trì bản sắc văn hoá các dân tộc, hội chợ hoa xuân, tổ chức lễ hội truyền thống cấp xã; Kinh phí tổ chức các lễ hội cấp thành phố; Kinh phí tham gia các lễ hội, trưng bày sản phẩm ocop.

(5) Chi sự nghiệp thể thao: 933 triệu đồng, chiếm 0,17% tổng chi ngân sách địa phương. Dự toán đảm bảo chi tổ chức các hoạt động thể dục thể thao thường xuyên và các hoạt động thể thao do các cấp, các ngành phát động.

(6) Chi sự nghiệp truyền thanh: Dự toán 2.871 triệu đồng, chiếm 0,5% tổng chi ngân sách địa phương.

Dự toán đảm bảo nội dung chi về chế độ tiền lương các khoản phụ cấp đối với viên chức sự nghiệp truyền thanh, kinh phí xây dựng duy trì chuyên mục tuyên truyền, quảng bá sản phẩm OCOP trên địa bàn; Kinh phí sửa chữa, duy trì hệ thống truyền thanh không dây; kinh phí chi trả nhuận bút, tiền điện trạm phát sóng, mua sắm thiết bị chuyên môn và các hoạt động đặc thù khác.

(7) Đảm bảo xã hội: Dự toán 8.826 triệu đồng, chiếm 1,6% tổng chi ngân sách địa phương.

Dự toán đảm bảo nội dung chi về các chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP; kinh phí thăm hỏi gia đình chính sách, hỗ trợ mai táng phí cho người có công; cấp thẻ BHYT cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người có công; chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; hỗ trợ kinh phí hoạt động, đại hội hội nạn nhân chất độc da cam và các khoản chi đảm bảo xã hội khác.

(8) Chi Quản lý hành chính: Dự toán 52.280 triệu đồng, chiếm 9,7% tổng chi ngân sách địa phương. Trong đó: Chi hoạt động Quản lý Nhà nước: 29.298 triệu đồng; Chi Ngân sách Đảng: 16.726 triệu đồng; Khối đoàn thể: 6.256 triệu đồng.

Dự toán đảm bảo kinh phí chi thường xuyên theo định mức, biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2025; kinh phí thực hiện các chính sách đối với tổ chức cơ sở đảng, kinh phí tổ chức đại hội của các tổ chức chính trị xã hội; Kinh phí tổ chức Đại hội đảng các cấp; Kinh phí chi trả chế độ hỗ trợ hàng tháng cho đảng viên được tặng Huy hiệu đảng từ 40 năm tuổi đảng trở lên theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Đối với các nhiệm vụ đặc thù khác, bố trí trên tinh thần tiết kiệm, hạn chế các khoản mua sắm trang thiết bị, tổ chức hội nghị, hội thảo...

(9) Chi An ninh - Quốc phòng: Dự toán 7.615 triệu đồng, chiếm 1,4% tổng chi ngân sách địa phương.

Trong đó: đã bao gồm kinh phí hỗ trợ cho lực lượng Công an, Quân sự đảm bảo tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố. Kinh phí hỗ trợ thường xuyên, hàng tháng đối với người tham gia tổ bảo vệ, an ninh, trật tự ở cơ sở theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của HĐND tỉnh; kinh phí huấn luyện dân quân tự vệ; kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm của dân quân tự vệ, phụ cấp thâm niên, đặc thù theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP của Chính phủ và một số nhiệm vụ khác.

(10) Chi ngân sách xã: Dự toán 47.434 triệu đồng, chiếm 8,8% tổng chi ngân sách địa phương.

Dự toán đảm bảo toàn bộ về chính sách và các hoạt động của cấp uỷ, chính quyền, các đoàn thể, công tác hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, toàn dân xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư, hoà giải ở cơ sở, kinh phí hỗ trợ Trung tâm học tập cộng đồng theo Thông tư số 96/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính và kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, bản, tổ dân phố.

(11) Chi khác ngân sách: Dự toán 640 triệu đồng, chiếm 0,12% tổng chi ngân sách địa phương. Dự toán đảm bảo kinh phí hoạt động Liên đoàn lao động thành phố và hỗ trợ kinh phí hoạt động của các cơ quan, đơn vị ngành dọc thực hiện nhiệm vụ của địa phương.

1.3. Dự phòng ngân sách: 10.257 triệu đồng. Trong đó:

- Dự phòng ngân sách thành phố: 9.108 triệu đồng
- Dự phòng ngân sách cấp xã: 1.149 triệu đồng

1.4. Tăng thu ngân sách năm 2025: 3.500 triệu đồng. Trong đó:

- 70% tăng thu để cải cách tiền lương theo quy định: 2.450 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW: 1.050 triệu đồng.

1.5. Cân đối để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm: 1.341 triệu đồng.

1.6. Nguồn thu sử dụng đất năm 2025 chưa phân bổ: 7.613 triệu đồng.

2. Chi bổ sung có mục tiêu:

Chi bổ sung có mục tiêu thực hiện các chương trình MTQG năm 2025 là 9.809 triệu đồng, trong đó:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 3.843 triệu đồng.

+ *Vốn đầu tư:* 3.011 triệu đồng.

+ *Vốn sự nghiệp:* 832 triệu đồng.

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế và xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*Vốn đầu tư*): 5.966 triệu đồng

(Chi tiết theo Phụ lục IV, V, VII kèm theo)

III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN NĂM 2025

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tài chính ngân sách năm 2025, quán triệt sâu sắc các định hướng, quan điểm, chủ trương theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Lai Châu lần thứ IV, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, tiến tới Đại hội Đảng bộ thành phố Lai Châu lần thứ V và tiếp tục triển khai có hiệu quả các Đề án, Nghị quyết chuyên đề của Đảng bộ, HĐND thành phố, các Kết luận của Thành ủy. Thành phố cần tập trung tổ chức thực hiện các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

1. Về thu ngân sách:

1.1. Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế, cá nhân tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ trên địa bàn, tạo nguồn thu và nuôi dưỡng nguồn thu; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, kịp thời thanh toán vốn đầu tư và thu thuế xây dựng cơ bản vào NSNN. Tích cực, chủ động trong công tác phối hợp với các sở, ngành để thu hút các dự án đầu tư ngoài ngân sách vào địa bàn thành phố.

1.2. Tổ chức thực hiện tốt các Luật thuế và nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, chống thất thu, ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất kinh doanh hàng giả, kê khai thuế không đầy đủ, trốn thuế, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, gian lận, trốn thuế.

1.3. Tổ chức tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật về thuế, phí, lệ phí để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hiểu rõ về quyền lợi, nghĩa vụ nộp thuế của mình; hỗ trợ tư vấn pháp luật về thuế cho cộng đồng

xã hội, đặc biệt là các dịch vụ hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân nộp thuế. Nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính thuế nhằm giảm thời gian, chi phí cho người nộp thuế, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể sản xuất kinh doanh phát triển.

1.4. Quản lý tốt nguồn thu, theo dõi đầy đủ nợ đọng thuế, tập trung quyết liệt các giải pháp thu nợ đọng thuế, rà soát, kiểm tra phân loại nợ đọng thuế để có biện pháp đôn đốc thu và xử lý kịp thời; khai thác tốt các nguồn thu và thu đúng, thu đủ vào NSNN. Thực hiện tốt quy chế phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác thu ngân sách và xử lý nghiêm các vi phạm về thuế.

1.5. Chi cục thuế chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát danh sách các hộ kinh doanh để kê khai doanh thu đồng thời tuyên truyền các hộ kinh doanh thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước; tiếp tục rà soát các hộ gia đình được giao đất TĐC, các hộ dân được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tổ chức tuyên truyền, vận động, đôn đốc thu nộp NSNN theo đúng quy định. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, đôn đốc thu kịp thời các khoản phải thu theo kiến nghị, kết luận của thanh tra, kiểm toán. Tập trung xử lý thu hồi nợ đọng thuế theo quy định

2. Về chi ngân sách

2.1. Về chi đầu tư

- Thực hiện nghiêm túc Luật đầu tư công và các quy định về quản lý vốn đầu tư nguồn NSNN. Thực hiện kỷ cương, kỷ luật trong lĩnh vực đầu tư công đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả; rà soát, sắp xếp danh mục các công trình, dự án đầu tư phù hợp với khả năng cân đối của nguồn vốn, bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp, hạn chế các dự án khởi công mới, không để nợ đọng vốn đầu tư.

- Chủ động giải quyết những vướng mắc khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng đảm bảo tiến độ xây dựng công trình. Thực hiện việc tạm ứng vốn công trình và hoàn ứng theo đúng quy định, tổ chức nghiệm thu khối lượng theo từng giai đoạn đảm bảo tiến độ giải ngân và thanh toán khối lượng hoàn thành để thanh toán thu hồi tạm ứng.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong đầu tư xây dựng cơ bản, xử lý kịp thời những sai phạm trong quản lý, thanh toán vốn đầu tư.

2.2. Về chi thường xuyên:

Điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán được giao; quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên được giao theo đúng dự toán, đúng chính sách chế độ, tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên của từng cơ quan, đơn vị, xã, phường, giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo. Thực hiện nghiêm túc Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật phòng, chống tham nhũng.

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà

nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách xã hội, các chính sách đối với người có công, hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, các đối tượng hưởng chính sách xã hội.

- Trên cơ sở dự toán được giao, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ động xây dựng kế hoạch để thực hiện các nhiệm vụ trong năm. Hạn chế tối đa các khoản chi phát sinh phải bổ sung dự toán từ ngân sách, trừ các trường hợp thực hiện chế độ, chính sách, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng ngân sách hiệu quả, tiết kiệm; thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng tài sản công; Thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên (*sau khi đã loại trừ tiền lương và các chính sách theo quy định*) để tạo nguồn cải cách tiền lương. Thực hiện nghiêm chế độ công khai tài chính, ngân sách đối với tất cả các nguồn vốn từ NSNN và nguồn vốn huy động đóng góp, công khai mua sắm tài sản công theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước, phát hiện và xử lý kịp thời những sai phạm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao phòng Tài chính - Kế hoạch tổ chức thực hiện dự toán, đảm bảo cân đối ngân sách theo dự toán được giao; thực hiện tốt công tác tham mưu trong quản lý, điều hành ngân sách theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

2. Chi cục Thuế khu vực thành phố Lai Châu - Tam Đường tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn ngay từ đầu năm, quản lý, khai thác tốt các nguồn thu đồng thời tăng cường công tác kiểm tra chống thất thu ngân sách, tích cực đôn đốc thu nợ đọng thuế, phân đấu đạt và vượt kế hoạch giao.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn đúng quy định, hoàn thành và vượt chỉ tiêu giao thu. Trong trường hợp thu không đạt dự toán thì cân đối lại dự toán và giảm chi hành chính tương ứng, Ủy ban nhân dân thành phố không thực hiện điều chỉnh giảm thu và cấp bù chi.

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước theo đúng quy định; quản lý chặt chẽ và sử dụng các khoản huy động đóng góp của nhân dân đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, thực hiện công khai đầy đủ theo quy định.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024; Dự toán thu ngân sách và phân bổ dự toán chi ngân

sách địa phương năm 2025, Ủy ban nhân dân thành phố trình kỳ họp thứ hai mươi, Hội đồng nhân dân thành phố khóa IV, nhiệm kỳ 2021 - 2026./.

Nơi nhận:

- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND thành phố;
- Chủ tịch, các PCT. UBND thành phố;
- Các Ban HĐND thành phố;
- Các Đại biểu HĐND thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Nghiệp

Phụ lục I

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: _____/BC-UBND ngày _____ / _____ / 2024 của UBND thành phố Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán tính giao	Nghị quyết HĐND thành phố giao	Ước thực hiện năm 2024	So sánh TH/KH giao	
					% KH tính giao	% KH thành phố giao
	TỔNG THU NSDP	477,792	481,292	543,753	114%	113%
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	179,100	182,600	122,195	68%	67%
	<i>Thu NSNN trên địa bàn thành phố hưởng</i>	<i>158,650</i>	<i>162,150</i>	<i>114,300</i>	<i>72%</i>	<i>70%</i>
	<i>Thu cân đối (không kể thu tiền sử dụng đất)</i>	<i>90,650</i>	<i>94,150</i>	<i>100,300</i>	<i>111%</i>	<i>107%</i>
1	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	41,000	42,000	50,000	122%	119%
2	Lệ phí trước bạ	23,000	24,900	23,000	100%	92%
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			150		
4	Thuế nhà đất					
5	Thuế thu nhập cá nhân	11,000	11,600	10,000	91%	86%
6	Thu phí, lệ phí	4,000	4,000	4,000	100%	100%
	- Ngân sách Trung ương, tỉnh hưởng	800	800	800		
	- Ngân sách thành phố hưởng	3,200	2,645	2,645		
	- Ngân sách xã, phường hưởng		555	555		
7	Tiền sử dụng đất	85,000	85,000	17,500	21%	21%
	- Ngân sách tỉnh hưởng	17,000	17,000	3,500		
	- Ngân sách huyện, thành phố hưởng	68,000	68,000	14,000		
8	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	10,650	10,650	10,650	100%	100%
9	Thu khác ngân sách	4,350	4,350	6,860	158%	158%
	- Ngân sách trung ương hưởng	2,600	2,600	3,500		
	- Ngân sách tỉnh hưởng	50	50	60		
	- Ngân sách thành phố hưởng	1,700	1,490	3,050		
	- Ngân sách xã, phường hưởng		210	250		
10	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích	100	100			
11	Thu từ doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò chủ đạo			35		
	- Ngân sách tỉnh hưởng			35		
	- Ngân sách thành phố hưởng			0		
B	CÁC KHOẢN HUY ĐỘNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT			1,500		
C	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	319,142	319,142	359,480	113%	113%
1	Bổ sung cân đối	245,037	245,037	245,037		
2	Bổ sung có mục tiêu	61,953	61,953	95,931		
3	Bổ sung vốn CTMTQG	12,152	12,152	18,512		
D	THU CHUYỂN NGUỒN			68,473		
E	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH			0		

Phụ lục II

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /2024 của UBND thành phố Lai Châu)

DVT: triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán tỉnh giao	HĐND thành phố quyết định	Ước thực hiện năm 2024	So sánh		Ghi chú
					Ước thực hiện năm 2024/KH tỉnh giao	Ước thực hiện năm 2024/KH TP giao	
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	477,792	481,292	466,306	98%	97%	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	465,640	469,140	449,988	97%	96%	
I	Chi đầu tư phát triển	97,727	81,227	43,101	44%	53%	
1	Nguồn vốn XDCB tập trung và các nguồn vốn hợp pháp khác	29,727	21,677	19,115			
2	Nguồn vốn Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung		8,050	8,050			
3	Nguồn vốn thu sử dụng đất	68,000	51,500	12,809			
4	Nguồn vốn tăng thu ngân sách năm 2023 chuyển nguồn sang năm 2024			1,943			
5	Nguồn vốn tiết kiệm chi ngân sách thành phố năm 2023 chuyển nguồn sang năm 2024			1,184			
II	Chi thường xuyên	360,699	362,131	399,626	111%	110%	
1	Chi sự nghiệp kinh tế	68,535	70,491	70,763	103%	100%	
1.1	Theo định mức 7% chi thường xuyên	15,542	12,612	13,074	84%	104%	
	- Sự nghiệp nông nghiệp	2,640	2,623	2,784			
	- Sự nghiệp giao thông	1,000	1,000	1,000			
	- Sự nghiệp thủy lợi	3,000	3,000	2,940			
	- Sự nghiệp kinh tế khác	8,902	5,989	6,350			
1.2	Chi từ nguồn thu sử dụng đất của thành phố năm 2024		3,191	1,191		37%	
	- Lập kế hoạch sử dụng đất (tiếp chi)		538	503			
	- Kinh phí thống kê đất đai		61	52			
	- Kinh phí kiểm kê đất đai		1,792	229			
	- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030		800	407			
1.3	Hỗ trợ cơ mục tiêu	51,629	52,324	54,179	105%	104%	
	- Hoạt động sự nghiệp môi trường	18,000	18,000	18,000			
	- Kinh phí chăm sóc cây xanh đô thị (Bao gồm chăm sóc cây xanh khu lâm viên thành phố, nghĩa trang Phan Lin)	14,000	14,000	14,000			
	- Kinh phí phát động lễ trồng cây Thành phố Lai Châu	300	300	300			
	- KP thực hiện chính sách hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	514	514	514			
	- KP hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	979	979	979			
	- KP sửa chữa, vận hành điện và tiền điện chiếu sáng đô thị, vận hành trạm biến áp khu Trung tâm hành chính thành phố; sửa chữa điện chiếu sáng, điện trang trí và hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn thành phố; KP vận hành và điện chiếu sáng khu lâm viên thành phố, nghĩa trang Phan Lin	7,500	7,500	7,500			
	- Kinh phí tổ chức kỷ niệm 20 năm thành lập Đảng bộ thành phố Lai Châu; 20 năm thành lập Thị xã Lai Châu (nay là thành phố Lai Châu)	500	1,195	1,195			
	- Kinh phí quy hoạch phân khu II, V thành phố Lai Châu	5,200	5,200	5,200			
	- Kinh phí lập nhiệm vụ Đề án quy hoạch chi tiết khu Trung tâm thương mại và nhà ở, nhà phố Lai Châu			120			
	- Kinh phí thực hiện sửa chữa các công trình giao thông, nước sinh hoạt, chỉnh trang đô thị, sửa chữa trụ sở, mua sắm tài sản	4,200	4,200	4,200			
	- Kinh phí xác định giá đất cụ thể theo các nhiệm vụ được ủy quyền tại Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	436	436	250			
	- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024			621			
	- Kinh phí mua xe ô tô 7 chỗ 2 cầu phục vụ công tác chung			1,300			
1.4	Kinh phí thực hiện các Đề án, Nghị quyết	1,364	2,364	2,319	170%	98%	
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025	1,364	1,364	1,364			
	- Kinh phí thực hiện Đề án phát triển thương mại và dịch vụ du lịch trên địa bàn thành phố		1,000	955			
2	Chi sự nghiệp môi trường	3,000	3,000	3,000	100%	100%	
	- Kinh phí quản lý, vệ sinh môi trường hồ Thượng, hồ Hạ, hồ Láng		300	300			

Stt	Nội dung	Dự toán tỉnh giao	HDND thành phố quyết định	Ước thực hiện năm 2024	So sánh		Ghi chú
					Ước thực hiện năm 2024/KH tỉnh giao	Ước thực hiện năm 2024/KH TP giao	
	- Kinh phí vệ sinh môi trường		2,700	2,700			
3	Chi sự nghiệp Giáo dục - đào tạo	191,953	191,881	215,135	112%	112%	
3.1	Chi sự nghiệp giáo dục	189,858	189,858	213,391			
3.1.1	Phòng Giáo dục và Đào tạo		188,248	213,161			
3.1.2	Phòng Nội vụ		1,500	13			
3.1.3	Phòng Lao động - TB&XH		110	217			
3.2	Sự nghiệp đào tạo	2,095	2,023	1,744			
	- Trung tâm Chính trị		943	962			
	- Phòng Nội vụ		250	250			
	- Văn phòng Thành ủy		610	532			
	- Phòng Lao động - TB&XH		220	-			
4	Sự nghiệp văn hoá - thông tin	3,249	3,281	3,601	111%	110%	
	- Trung tâm Văn hóa, thể thao, truyền thông		2,452	2,772			
	- Kinh phí hỗ trợ hoạt động của đội văn nghệ thôn bản theo Kết luận 224-KL/TU ngày 18/10/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Đề án "Nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tư tưởng Đảng bộ tỉnh"	201	219	219			
	- KP thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 17/02/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh Lai Châu; Nghị quyết số 59/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	610	610	610			
5	Sự nghiệp thể thao	678	628	628	93%	100%	
6	Sự nghiệp truyền thanh	2,305	2,286	2,605	113%	114%	
7	Đảm bảo xã hội	7,604	7,084	7,991	105%	113%	
8	Chi Quản lý hành chính	37,054	38,365	44,296	120%	115%	
8.1	Quản lý nhà nước		21,806	23,867			
8.2	Chi ngân sách Đảng		11,336	14,580			
8.2.1	Văn phòng Thành ủy		9,675	12,887			
8.2.2	KP thực hiện Quyết định 99 -QĐ/TW		1,422	1,422			
8.2.3	Phụ cấp cấp ủy các chi bộ cơ quan		239	271			
8.3	Đoàn thể		5,223	5,849			
8.3.1	Kinh phí đoàn thể		4,908	5,534			
8.3.2	Hoạt động các hội		315	315			
9	Chi an ninh - Quốc phòng	4,977	6,052	7,248	146%	120%	
9.1	Chi hỗ trợ an ninh địa phương	1,176	1,650	2,779			
	- Công an thành phố		900	1,438			
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 20/9/2022 của HĐND tỉnh	696	750	433			
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của HĐND tỉnh			908			
9.2	Quốc phòng địa phương	3,801	4,402	4,469			
	- Hỗ trợ quốc phòng địa phương		900	967			
	- Bổ sung kinh phí hỗ trợ nghiên cứu, biên soạn và xuất bản cuốn lịch sử quân sự thành phố Lai Châu giai đoạn 1950 - 2024		100	100			
	- Kinh phí huấn luyện dân quân, tự vệ		1,370	1,370			
	- Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm của DQTV theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP	579	579	579			
	- Diễn tập ứng phó cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn		300	300			
	- KP thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương cấp xã		873	873			
	- Kinh phí diễn tập chiến đấu phòng thủ		200	200			
	- Kinh phí diễn tập phòng chống cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn		80	80			
10	Chi ngân sách xã	40,211	38,373	43,669	109%	114%	
11	Chi khác ngân sách	1,133	690	690	61%	100%	
III	Dự phòng ngân sách	7,214	7,214	4,711			
1	Ngân sách thành phố		6,301	3,798			
2	Dự phòng ngân sách xã, phường		913	913			
IV	Tăng thu ngân sách 2024		3,500	1,050			
V	Cân đối để thực hiện các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm		1,759	-			Đã phân bổ vào các lĩnh vực chi tương ứng

Stt	Nội dung	Dự toán tỉnh giao	HDND thành phố quyết định	Ước thực hiện năm 2024	So sánh		Ghi chú
					Ước thực hiện năm 2024/KH tỉnh giao	Ước thực hiện năm 2024/KH TP giao	
VI	Nguồn thu sử dụng đất năm 2024 chưa phân bổ		13,309				
VII	Chi từ các khoản huy động theo quy định của pháp luật			1,500			
	- Kinh phí lập đồ án quy hoạch chi tiết một số khu vực trên địa bàn thành phố Lai Châu năm 2024			1,500			
B	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	12,152	12,152	16,318	134%	134%	
I	Vốn thực hiện các Chương trình MTQG	12,152	12,152	16,318	134%	134%	
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	5,174	5,174	5,075	98%	98%	
1.1	Vốn đầu tư	3,316	3,316	3,262			
1.2	Vốn sự nghiệp	1,858	1,858	1,813			
2	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi	6,978	6,978	9,905	142%	142%	
2.1	Vốn đầu tư	6,978	6,978	7,732			
2.2	Vốn sự nghiệp			2,173			
3	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			1,338			
3.1	Vốn sự nghiệp			1,338			

Phụ lục III

BIỂU GIAO DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /2024 của UBND thành phố Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN TỈNH GIAO	DỰ TOÁN GIAO	CHIA RA	
				NS THÀNH PHỐ	NS XÃ, PHƯỜNG
	TỔNG THU NS ĐỊA PHƯƠNG	532,898	536,398	533,992	64,197
A	THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	166,800	170,300	167,894	2,406
	<i>Thu Ngân sách địa phương được hưởng</i>	<i>150,700</i>	<i>154,200</i>	<i>151,794</i>	<i>1,891</i>
	<i>Thu cân đối không bao gồm thu tiền sử dụng đất</i>	<i>101,500</i>	<i>105,000</i>	<i>102,594</i>	<i>1,891</i>
1	Thu từ khu vực NQD	52,000	55,300	55,300	
2	Lệ phí trước bạ	23,000	23,000	21,825	1,175
	- Ngân sách thành phố hưởng		22,177	21,825	352
	- Ngân sách xã, phường hưởng		823		823
3	Thuế thu nhập cá nhân	11,000	11,000	11,000	
4	Thu phí, lệ phí	4,100	4,300	3,559	741
	- Phí, lệ phí Trung ương hưởng	900	900	900	
	- Ngân sách thành phố hưởng	3,200	2,822	2,659	163
	- Ngân sách xã, phường hưởng		578		578
5	Thu tiền sử dụng đất	61,500	61,500	61,500	-
	- Ngân sách Tỉnh hưởng	12,300	12,300	12,300	
	- Ngân sách thành phố hưởng	49,200	49,200	49,200	
6	Thu tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	50	50	50	
7	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	10,150	10,150	10,150	
8	Thu khác ngân sách	5,000	5,000	4,510	490
	- Ngân sách Trung ương hưởng	2,800	2,800	2,800	
	- Ngân sách Tỉnh hưởng	100	100	100	
	- Ngân sách thành phố hưởng	2,100	1,610	1,610	
	- Ngân sách xã, phường hưởng		490		490
B	THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	382,198	382,198	382,198	62,306
1	Thu bổ sung cân đối	320,839	320,839	320,839	54,826
2	Thu bổ sung có mục tiêu	51,550	51,550	51,550	1,900
3	Thu bổ sung Chương trình MTQG	9,809	9,809	9,809	5,580

Phụ lục IV
BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /2024 của UBND thành phố Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán giao	Chia ra		Ghi chú
			NS thành phố	NS xã, phường	
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	536,398	472,201	64,197	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	526,589	467,972	58,617	
I	Chi đầu tư phát triển	59,844	59,844	-	
1	Nguồn vốn XDCB tập trung và các nguồn vốn hợp pháp khác	20,817	20,817		
2	Nguồn vốn thu sử dụng đất	38,462	38,462		
3	Chi đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết	565	565		
II	Chi thường xuyên	444,034	386,566	57,468	
1	Chi sự nghiệp kinh tế	64,694	62,324	2,370	
1.1	Theo định mức 7% chi thường xuyên	13,843	13,543	300	
	- Sự nghiệp nông nghiệp	3,414	3,414	-	
	- Sự nghiệp giao thông	1,000	700	300	
	- Sự nghiệp thủy lợi	3,000	3,000		
	- Sự nghiệp kinh tế khác	6,429	6,429	-	
1.2	Chi từ nguồn thu sử dụng đất của thành phố năm 2025	3,125	3,125	-	
	- Lập kế hoạch sử dụng đất	662	662		
	- Kinh phí đo đạc các dự án đất đai dư trên địa bàn thành phố Lai Châu	2,463	2,463		
1.3	Hỗ trợ có mục tiêu	46,046	44,846	1,200	
	- Hoạt động sự nghiệp môi trường	18,000	18,000	-	
	- Kinh phí chăm sóc cây xanh đô thị (Bao gồm chăm sóc cây xanh khu lâm viên thành phố, nghĩa trang Phan Lin)	14,190	14,190		
	- Kinh phí phát động lễ trồng cây tại Thành phố Lai Châu	500	500		
	- Kinh phí quản lý, vận hành Trung tâm điều hành đô thị thông minh	500	500		
	- KP hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	978	978		
	- KP sửa chữa, vận hành điện và tiền điện chiếu sáng	8,220	8,220	-	
	- Kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo Kế hoạch số 3360/KH-UBND ngày 23/8/2024 của UBND tỉnh	932	932	-	
	- Kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể	500	500		
	- Kinh phí thực hiện sửa chữa các công trình giao thông, nước sinh hoạt, chỉnh trang đô thị; duy tu bảo trì sửa chữa cơ sở vật chất; mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm trang thiết bị cho bộ phận 1 cửa cấp huyện, xã	2,226	1,026	1,200	
1.4	Kinh phí thực hiện các Đề án, Nghị quyết	1,680	810	870	
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025	1,010	310	700	
	- KP thực hiện Đề án phát triển thương mại và dịch vụ du lịch trên địa bàn thành phố	670	500	170	
2	Chi sự nghiệp môi trường	3,000	3,000	-	
	- Kinh phí quản lý, vệ sinh môi trường hồ Thượng, hồ Hạ, hồ Lãng	300	300	-	
	- Kinh phí vệ sinh môi trường	2,700	2,700	-	
3	Chi sự nghiệp Giáo dục - đào tạo	252,215	252,215	-	
3.1	Chi sự nghiệp giáo dục	250,499	250,499	-	
3.1.1	Phòng Giáo dục và Đào tạo	247,905	247,905		
3.1.2	Phòng Nội vụ	1,950	1,950		
3.1.3	Phòng Lao động - TB&XH	644	644		
3.2	Sự nghiệp đào tạo	1,716	1,716	-	
	- Trung tâm Chính trị	1,156	1,156		
	- Phòng Nội vụ	130	130		
	- Văn phòng Thành ủy	130	130		
	- Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn (Đã bao gồm kinh phí đối ứng thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững)	300	300		
4	Sự nghiệp văn hoá - thông tin	3,526	3,112	414	

Stt	Nội dung	Dự toán giao	Chia ra		Ghi chú
			NS thành phố	NS xã, phường	
	- Trung tâm Văn hóa, thể thao, truyền thông	2,707	2,707		
	- Kinh phí hỗ trợ hoạt động của đội văn nghệ thôn bản theo Kết luận 224-KL/TU ngày 18/10/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về tiếp tục thực hiện Đề án "Nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tư tưởng Đảng bộ tỉnh"	219	-	219	
	- Kinh phí duy trì bản sắc văn hoá các dân tộc, hội chợ hoa xuân, tổ chức lễ hội truyền thống cấp xã	195	-	195	
	- Kinh phí tổ chức các lễ hội cấp thành phố	250	250		
	- Kinh phí tham gia các lễ hội, trưng bày sản phẩm Ocop	155	155	-	
5	Sự nghiệp thể thao	933	863	70	
	- Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông	793	793		
	- Kinh phí tổ chức giải thể thao người lao động	70	70		
	- Hỗ trợ kinh phí tham gia đại hội thể dục thể thao cấp thành phố	70	-	70	
6	Sự nghiệp truyền thanh	2,871	2,871	-	
	- Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông	2,871	2,871		
7	Đảm bảo xã hội	8,826	8,534	292	
	- Phòng Lao động - TB&XH	8,034	8,034	-	
	- Hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo xã hội cấp xã, phường	70	-	70	
	- KP thực hiện chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ	4	-	4	
	- KP thăm hỏi đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ thành phố thực hiện	50	50		Ủy ban MTTQ thành phố
	- Kinh phí mừng thọ, chăm sóc người cao tuổi	218	-	218	-
	- Kinh phí ủy thác qua ngân hàng chính sách để thực hiện nhiệm vụ chi theo Chi thị số 40-CT/TW	450	450		
8	Chi Quản lý hành chính	52,280	49,258	3,022	
8.1	Quản lý nhà nước	29,298	29,298	-	
8.2	Chi ngân sách Đảng	16,726	13,704	3,022	
8.2.1	Văn phòng Thành ủy	11,651	11,651		
8.2.2	Kinh phí tổ chức Đại hội đảng bộ các cấp	2,606	1,440	1,166	
8.2.3	KP thực hiện Quyết định 99 -QĐ/TW	2,159	303	1,856	
8.2.4	Phụ cấp cấp ủy các chi bộ cơ quan	310	310	-	
8.3	Đoàn thể	6,256	6,256	-	
8.3.1	Kinh phí đoàn thể	6,031	6,031	-	
8.3.2	Hoạt động các hội	225	225	-	
9	Chi an ninh - Quốc phòng	7,615	3,749	3,866	
9.1	Chi hỗ trợ an ninh địa phương	3,660	900	2,760	
	- Công an thành phố	900	900		
	- KP hỗ trợ thường xuyên, hàng tháng đối với người tham gia tố báo vệ, an ninh, trật tự ở cơ sở theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của HĐND tỉnh	2,760	-	2,760	
9.2	Quốc phòng địa phương	3,955	2,849	1,106	
	- Hỗ trợ quốc phòng địa phương	900	900		
	- Kinh phí dân quân, tự vệ	2,243	1,370	873	
	- Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm của DQTV theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP	579	579		
	- Kinh phí chi trả phụ cấp thâm niên, phụ cấp đặc thù theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP của Chính phủ	233	-	233	
10	Chi ngân sách xã	47,434	-	47,434	
	- UBND phường Đoàn Kết	7,044		7,044	
	- UBND phường Tân Phong	7,882		7,882	
	- UBND phường Quyết Thắng	5,718		5,718	
	- UBND phường Quyết Tiến	6,365		6,365	
	- UBND phường Đông Phong	6,564		6,564	
	- UBND xã San Thàng	6,583		6,583	
	- UBND xã Sùng Phái	7,278		7,278	
11	Chi khác ngân sách	640	640	-	
	- Hỗ trợ kinh phí hoạt động Liên đoàn Lao động	70	70		
	- Hỗ trợ công tác thu ngân sách	300	300		

Stt	Nội dung	Dự toán giao	Chia ra		Ghi chú
			NS thành phố	NS xã, phường	
	- Hỗ trợ kinh phí hoạt động các cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ của địa phương	270	270	-	
III	Dự phòng ngân sách	10,257	9,108	1,149	
1	Ngân sách thành phố	9,108	9,108		
2	Dự phòng ngân sách xã, phường	1,149	-	1,149	
	- UBND phường Đoàn Kết	170		170	
	- UBND phường Tân Phong	192		192	
	- UBND phường Quyết Thắng	134		134	
	- UBND phường Quyết Tiến	149		149	
	- UBND phường Đông Phong	154		154	
	- UBND xã San Thàng	158		158	
	- UBND xã Sùng Phái	192		192	
IV	Tăng thu ngân sách 2024	3,500	3,500	-	
	- 70% tăng thu để CCTL theo quy định	2,450	2,450		
	- Kinh phí ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để thực hiện Chi thị 40-CT/TW	1,050	1,050		
V	Cần đối để thực hiện các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm	1,341	1,341		
VI	Nguồn thu sử dụng đất năm 2025 chưa phân bổ	7,613	7,613		<i>Thực hiện phân bổ chi tiết khi đạt chỉ tiêu thu</i>
B	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	9,809	4,229	5,580	
I	Vốn thực hiện các Chương trình MTQG	9,809	4,229	5,580	
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	3,843	80	3,763	
1.1	Vốn đầu tư	3,011	-	3,011	
1.2	Vốn sự nghiệp	832	80	752	
2	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi	5,966	4,149	1,817	
2.1	Vốn đầu tư	5,966	4,149	1,817	

Phụ lục V

BIỂU CHI TIẾT CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / / 2024 của UBND thành phố Lai Châu)

Stt	Nội dung	NS thành phố	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	472,201	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	467,972	
I	Chi đầu tư phát triển	59,844	
1	Nguồn vốn XDCB tập trung và các nguồn vốn hợp pháp khác	20,817	
2	Nguồn vốn thu sử dụng đất	38,462	
3	Chi đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết	565	
II	Chi thường xuyên	386,566	
1	Chi sự nghiệp kinh tế	62,324	
1.1	Theo định mức 7% chi thường xuyên	13,543	
	- Sự nghiệp nông nghiệp	3,414	
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	3,414	Bao gồm quỹ lương 2.662trđ; quỹ tiền thưởng 182trđ; chi hành chính 170trđ; KP thực hiện mô hình KNKL 400trđ
	- Sự nghiệp giao thông	700	
	+ Phòng Quản lý đô thị	700	
	- Sự nghiệp thủy lợi	3,000	
	+ Sửa chữa hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố	3,000	Phòng Kinh tế
	- Sự nghiệp kinh tế khác	6,429	
	+ Kinh phí điện chiếu sáng	850	Phòng QLĐT
	+ Đội Quản lý trật tự đô thị	2,136	Bao gồm quỹ lương 1.413trđ; Quỹ tiền thưởng 101trđ; QL và chi hành chính LDHD 90trđ; chi hành chính 100trđ; trang phục 42trđ; chi xăng xe, bảo hiểm, sửa chữa xe, các khoản chi khác 270trđ; KP quản lý trật tự đô thị 120trđ
	+ Trung tâm Phát triển quỹ đất	1,373	Bao gồm quỹ lương 1.198trđ; Quỹ tiền thưởng 85trđ; chi hành chính 90trđ
	+ Hội Chữ thập đỏ	406	Bao gồm quỹ lương 296trđ; Quỹ tiền thưởng 20trđ; chi hành chính 30trđ; hỗ trợ KP tổ chức lễ tôn vinh hiến máu tình nguyện, KP hoạt động công tác hội 60trđ
	+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động Người cao tuổi	164	Bao gồm hỗ trợ tháng hành động người cao tuổi 20trđ; hỗ trợ hoạt động hội người cao tuổi các xã, phường 28tr; Hỗ trợ hoạt động 8 CLB liên thế hệ 16trđ; KP tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao và các hoạt động đặc thù khác 100trđ
	+ KP Ban chỉ đạo các chương trình	140	
	Kinh phí hỗ trợ cơ quan thường trực chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn	10	Phòng Lao động TBXH
	Ban chỉ đạo cứu trợ xã hội; Ban chỉ đạo quỹ vì người nghèo; Ban chỉ đạo Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"; BCD phong trào đoàn kết sáng tạo; BCD phong trào TDDKXD ĐSVH, đô thị văn minh	45	Ủy ban MTTQVN
	Ban chỉ đạo thực hiện Kết luận 61, Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định 81 của Thủ tướng Chính phủ	20	Hội nông dân
	Ban chỉ đạo Thi hành án dân sự thành phố	15	Chi cục thi hành án thành phố
	Ban chỉ đạo phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn	15	Phòng Kinh tế
	Ban chỉ đạo 389 và các đoàn kiểm tra liên ngành	15	Phòng Kinh tế
	Kinh phí ban chỉ đạo phong trào TDDKXD ĐSVH; BCD thực hiện nếp sống văn minh đô thị	20	Phòng Văn hóa và Thông tin
	+ Kinh phí quản lý, vận hành Trung tâm điều hành đô thị thông minh	200	Văn phòng HĐND-UBND
	+ Kinh phí quản lý, vận hành khu lâm viên thành phố Lai Châu	270	Phòng Quản lý đô thị
	+ Kinh phí quản lý, vận hành nghĩa trang Phan Lin	500	Phòng Quản lý đô thị
	+ KP sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện, thay thế bóng đèn thấp sáng, hệ thống cửa phân làn, thang máy, điều hòa, kiểm định hệ thống chống sét, hệ thống PCCC	300	Văn phòng HĐND-UBND
	+ Kinh phí lắp biển tuyên truyền nội quy tuyến đường, phố văn minh đô thị	50	Phòng Văn hóa và thông tin
	+ Hỗ trợ kinh phí tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại	40	Phòng Kinh tế
1.2	Chi từ nguồn thu sử dụng đất của thành phố năm 2025	3,125	Phòng Tài nguyên & Môi trường
	- Lập kế hoạch sử dụng đất	662	Phòng Tài nguyên & Môi trường

Stt	Nội dung	NS thành phố	Ghi chú
	- Kinh phí đi đặc các dự án đất đai dư trên địa bàn thành phố Lai Châu	2,463	Trung tâm PTQĐ
1.3	Hỗ trợ có mục tiêu	44,846	
	- Hoạt động sự nghiệp môi trường	18,000	
	+ Phòng Tài nguyên và Môi trường	15,200	
	+ Kinh phí duy trì vệ sinh, quản lý Trụ sở hợp khối các cơ quan thành phố	1,700	Văn phòng HĐND-UBND thành phố
	+ KP thực hiện nhiệm vụ nạo vét	1,100	Phòng QLDT
	- Kinh phí chăm sóc cây xanh đô thị (Bao gồm chăm sóc cây xanh khu lâm viên thành phố, nghĩa trang Phan Lin)	14,190	Phòng QLDT
	- Kinh phí phát động lễ trồng cây tại Thành phố Lai Châu	500	Phòng QLDT
	- Kinh phí quản lý, vận hành Trung tâm điều hành đô thị thông minh	500	Văn phòng HĐND-UBND thành phố
	- KP hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	978	Phòng Kinh tế
	- KP sửa chữa, vận hành điện và tiền điện chiếu sáng	8,220	Phòng Quản lý đô thị
	Kinh phí vận hành và điện chiếu sáng đô thị, vận hành trạm biến áp khu Trung tâm hành chính thành phố; sửa chữa điện chiếu sáng, điện trang trí và hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn thành phố; KP vận hành và điện chiếu sáng khu lâm viên thành phố, nghĩa trang Phan Lin	8,220	
	- Kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo Kế hoạch số 3360/KH-UBND ngày 23/8/2024 của UBND tỉnh	932	
	+ Phòng Tài nguyên và Môi trường	932	
	- Kinh phí thực hiện định giá đất cụ thể	500	
	+ Phòng Tài nguyên và Môi trường	485	
	+ Phòng Tài chính - Kế hoạch (KP hoạt động của Hội đồng xác định giá đất cụ thể thành phố)	15	
	- Kinh phí thực hiện sửa chữa các công trình giao thông, nước sinh hoạt, chỉnh trang đô thị; duy tu bảo trì sửa chữa cơ sở vật chất; mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng; mua sắm trang thiết bị cho bộ phận 1 cửa cấp huyện, xã	1,026	
	+ Kinh phí sửa chữa các công trình cơ sở hạ tầng	35	
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp (KP sửa chữa trụ sở làm việc)	35	
	+ Kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố	991	
	Văn phòng Thành ủy	111	
	Phòng Văn hoá và thông tin	90	
	Phòng Lao động - TB&XH	25	
	Văn phòng HĐND-UBND	140	
	Đội Quản lý trật tự đô thị	115	
	Phòng Nội vụ	86	
	Thanh tra thành phố	85	
	Phòng Tư pháp	7	
	Phòng Giáo dục và Đào tạo	12	
	Trung tâm Văn hoá, Thể thao và Truyền thông	15	
	Phòng Tài chính - Kế hoạch	37	
	Trung tâm Phát triển quỹ đất	32	
	Phòng Tài nguyên & Môi trường	102	
	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	45	
	Ủy ban mặt trận Tổ quốc	22	
	Hội Liên hiệp phụ nữ	37	
	Hội Nông dân	30	
	UBND phường Đoàn Kết		
	UBND phường Tân Phong		
	UBND phường Quyết Thắng		
	UBND phường Quyết Tiến		
	UBND phường Đông Phong		
	UBND xã San Thàng		
	UBND xã Sùng Phái		
1.4	Kinh phí thực hiện các Đề án, Nghị quyết	810	
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025	310	
	+ Phòng Kinh tế	310	
	+ UBND xã Sùng Phái		KP hỗ trợ phát triển trồng chè
	- KP thực hiện Đề án phát triển thương mại và dịch vụ du lịch trên địa bàn thành phố	500	

Stt	Nội dung	NS thành phố	Ghi chú
	+ Hỗ trợ kinh phí duy trì tuyển phổ đi bộ năm 2024	500	
	+) Trung tâm Văn hoá, thể thao và truyền thông	470	
	+) Đội Quản lý trật tự đô thị	30	
2	Chi sự nghiệp môi trường	3,000	
	- Kinh phí quản lý, vệ sinh môi trường hồ Thượng, hồ Hạ, hồ Láng	300	
	+ Phòng Kinh tế	300	
	- Kinh phí vệ sinh môi trường	2,700	
	+ Phòng Tài nguyên và Môi trường	2,700	
3	Chi sự nghiệp Giáo dục - đào tạo	252,215	
3.1	Chi sự nghiệp giáo dục	250,499	
3.1.1	Phòng Giáo dục và Đào tạo	247,905	
	<i>Trong đó:</i>		
	- Chính sách hỗ trợ cho học sinh bán trú và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP	738	
	- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho trẻ em 3-5 tuổi theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ	281	
	- Chính sách về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	1,547	
	- Chính sách hỗ trợ học tập cho trẻ em, học sinh, sinh viên dân tộc rất ít người theo NĐ số 57/2017/NĐ-CP	578	
	- Chính sách hỗ trợ giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	72	
	- Kinh phí nấu ăn theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (bao gồm: Kinh phí nấu ăn theo Nghị định 116/2019/NĐ-CP và Nghị định 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ)	1,029	
	- Chính sách hỗ trợ trẻ em 24-36 tháng tuổi theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	84	
	- Kinh phí sửa chữa, mua sắm trang thiết bị dạy học cho các trường vùng đặc biệt khó khăn, trường dự kiến đạt chuẩn quốc gia, duy trì trường chuẩn và cơ sở vật chất các trường, lớp học (đã bao gồm kinh phí thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025 theo Quyết định số 1728/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh)	4,620	
	- Hỗ trợ kinh phí duy trì hoạt động câu lạc bộ bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc trong trường học giai đoạn 2021-2025 theo Kết luận số 224-KL/TU ngày 18/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	40	
	- Hỗ trợ kinh phí đào tạo đại học sư phạm chuyên ngành Tiếng anh, tin học, âm nhạc, mỹ thuật trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 của HĐND tỉnh	158	
3.1.2	Phòng Nội vụ	1,950	
	- Kinh phí thi đua, khen thưởng ngành giáo dục	1,950	
3.1.3	Phòng Lao động - TB&XH	644	
	- Kinh phí thực hiện Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ	644	
3.2	Sự nghiệp đào tạo	1,716	
	- Trung tâm Chính trị	1,156	
	+ Kinh phí hoạt động	656	Bao gồm: Quỹ lương 586trđ; Quỹ tiền thưởng 34trđ; chi hành chính 36trđ
	+ Kinh phí mở lớp, tham gia hội thi giảng viên lý luận chính trị giỏi và thực hiện các nhiệm vụ khác được giao	500	
	- Phòng Nội vụ	130	
	+ KP thực hiện mở lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ CCVC và KP thực hiện hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC người dân tộc thiểu số theo NQ số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh và kinh phí đào tạo theo theo Nghị quyết số 43/2023/NQ-HĐND ngày 17/10/2023 của HĐND tỉnh	130	
	- Văn phòng Thành ủy	130	
	+ Hỗ trợ đào tạo cao cấp	30	
	+ KP thực hiện mở lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ CCVC và KP thực hiện hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC người dân tộc thiểu số theo NQ số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh và kinh phí đào tạo theo theo Nghị quyết số 43/2023/NQ-HĐND ngày 17/10/2023 của HĐND tỉnh	100	

Stt	Nội dung	NS thành phố	Ghi chú
	- Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn (Đã bao gồm kinh phí đối ứng thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững)	300	Phòng Lao động TBXH
4	Sự nghiệp văn hoá - thông tin	3,112	
	- Trung tâm Văn hóa, thể thao, truyền thông	2,707	Bao gồm: Quỹ lương 1.346trđ; Quỹ tiền thưởng theo ND số 73/2024/ND-CP 94trđ; Quỹ lương và chi hành chính LDHD 90trđ; Chi hành chính 100trđ; KP tổ chức các hoạt động VHVN, tuyên truyền và các hoạt động VHHT khác 1.077 trđ
	- Kinh phí tổ chức các lễ hội cấp thành phố	250	
	+ Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông	250	
	- Kinh phí tham gia các lễ hội, trưng bày sản phẩm Ocop	155	
	+ Phòng Kinh tế	105	
	+ Kinh phí tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại	40	
	+ Kinh phí tổ chức hội nghị doanh nghiệp cơ sở sản xuất kinh doanh	15	
	+ Kinh phí tham gia các hội chợ, lễ hội trong và ngoài tỉnh, trưng bày sản phẩm Ocop	50	
	+ Trung tâm văn hóa thể thao và truyền thông	50	
	+ Hỗ trợ kinh phí tham gia các lễ hội trong tỉnh	50	
5	Sự nghiệp thể thao	863	
	- Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông	793	Trong đó đã bao gồm KP tổ chức đại hội thể dục thể thao cấp thành phố
	- Kinh phí tổ chức giải thể thao người lao động	70	Liên đoàn lao động thành phố
6	Sự nghiệp truyền thanh	2,871	
	- Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông	2,871	Đã bao gồm: Quỹ lương 1.931trđ; Quỹ tiền thưởng theo ND số 73/2024/ND-CP 140trđ; chi hành chính 130trđ; kinh phí xây dựng duy trì chuyên mục tuyên truyền, quảng bá sản phẩm OCOP trên địa bàn 50trđ; KP sửa chữa, duy trì hệ thống truyền thanh không dây 100trđ; kinh phí chi trả nhuận bút, tiền điện trạm phát sóng và các hoạt động đặc thù 370trđ; Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử và kênh truyền dữ liệu truyền hình trực tiếp 150trđ
7	Đảm bảo xã hội	8,534	
	Trong đó:		
	- Phòng Lao động - TB&XH	8,034	
	+ Kinh phí thực hiện Nghị định 20/2021/ND-CP; mai táng phí cho các đối tượng thuộc nhiệm vụ chi của NSĐP; kinh phí cấp thẻ BHYT, người có công với cách mạng và nhiệm vụ đảm bảo xã hội khác	7,843	
	+ Kinh phí chi trả trợ cấp hàng tháng qua hệ thống bưu điện	16	
	+ Hỗ trợ kinh phí hoạt động Hội nạn nhân chất độc da cam	15	
	+ Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	160	
	- KP thăm hỏi đối với một số đối tượng do Ủy ban MTTQ thành phố thực hiện	50	Ủy ban MTTQ thành phố
	- Kinh phí ủy thác qua ngân hàng chính sách để thực hiện nhiệm vụ chi theo Chỉ thị số 40-CT/TW	450	
8	Chi Quản lý hành chính	49,258	
8.1	Quản lý nhà nước	29,298	
	- Văn phòng HĐND - UBND	9,867	
	+ Văn phòng HDND	2,803	Trong đó: Quỹ lương 971trđ; quỹ tiền thưởng 66trđ; phụ cấp công vụ 184trđ; chi hành chính 60trđ; phụ cấp đại biểu HĐND 337trđ; KP báo chí 85trđ; KP đi thăm quan học tập kinh nghiệm: 200trđ; Chi hoạt động của HD và chi các hoạt động đặc thù khác 900trđ
	+ Văn phòng UBND	7,064	Trong đó đã bao gồm: Quỹ lương 2.730trđ; quỹ tiền thưởng 194trđ; phụ cấp công vụ 508trđ; chi hành chính 204trđ; quỹ lương+chi hành chính hợp đồng theo ND 161 là 500trđ; chi hoạt động đặc thù 1.650trđ; KP hỗ trợ, thăm hỏi người có uy tín 34trđ; Kinh phí đón tiếp đoàn đại biểu huyện Mường xay, tỉnh U Đôn Xay, nước CHDCND Lào: 500 trđ và các nhiệm vụ chi thường xuyên khác 744 trđ

Stt	Nội dung	NS thành phố	Ghi chú
	- Phòng Quản lý đô thị	1,688	Trong đó: Quỹ lương 1.251trđ; quỹ tiền thưởng 90trđ; phụ cấp công vụ 229trđ; chi hành chính 108trđ; KP hoạt động cấp phép xây dựng 10trđ
	- Phòng Nội vụ	4,084	Trong đó: Quỹ lương 1.291trđ; quỹ tiền thưởng 97trđ; phụ cấp công vụ 240trđ; chi hành chính 96trđ; KP kê khai tài sản, chi đặc thù 100trđ; KP thi đua khen thưởng 2.000trđ; KP thực hiện chương trình đối thoại giữa Chủ tịch UBND thành phố với thanh niên thành phố Lai Châu năm 2024 là 20trđ; KP xét chuyển hạng, tuyển dụng viên chức, thi tuyển công chức cấp xã 120tr; KP tổ chức đại hội thi đua yêu nước 120trđ
	- Phòng Tài chính - Kế hoạch	2,775	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 1.749 trđ; quỹ tiền thưởng 127trđ; phụ cấp công vụ 313trđ; chi hành chính 132trđ; Kinh phí duy trì, vận hành phần mềm quản lý và khai thác báo cáo ngân sách Tabmis, thực hiện dịch vụ công trực tuyến và chi hoạt động đặc thù khác 250tr; Kinh phí rà soát, chỉnh lý lưu trữ hồ sơ lưu trữ 200trđ; phụ cấp công tác giá 4trđ
	- Phòng Tài nguyên & Môi trường	2,084	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 1.352trđ; quỹ tiền thưởng 95trđ; phụ cấp công vụ 247trđ; chi hành chính 120trđ; Các phí Dịch vụ Truyền số liệu (Metronet) Kênh tốc độ 10M: 70 trđ; Kinh phí rà soát, chỉnh lý lưu trữ hồ sơ lưu trữ 200trđ
	- Phòng Kinh tế	2,321	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 1.617trđ; quỹ tiền thưởng 118trđ; phụ cấp công vụ 301trđ; chi hành chính 120 trđ; KP hoạt động công nghệ, chăm sóc kiến kinh nghiệm 50trđ; KP đánh giá, phân loại sản phẩm OCOP, tổ chức công bố và trao giấy chứng nhận OCOP 40trđ; duy trì ISO: 30trđ; KP giải quyết thủ tục hành chính 15trđ; KP lấy mẫu kiểm tra VS:ATTP lĩnh vực nông nghiệp và kiểm tra vật tư nông nghiệp 30 trđ
	- Phòng Tư pháp	1,217	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 773trđ; quỹ tiền thưởng 54trđ; phụ cấp công vụ 141trđ; chi hành chính 60trđ; KP tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật theo QĐ số 01 của tỉnh, hoạt động Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật 130trđ; KP xây dựng, kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL 14trđ; KP Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật 10trđ; KP theo dõi thi hành pháp luật hoạt động quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính 35trđ
	- Phòng Lao động - TB&XH	1,296	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 942trđ; quỹ tiền thưởng 67trđ; phụ cấp công vụ 175trđ; chi hành chính 72trđ, KP tháng hành động PCCN 10tr; KP vì sự tiến bộ của phụ nữ 15 trđ; KP kiểm tra liên ngành 15trđ
	- Phòng Văn hoá và Thông tin	1,023	Trong đó: quỹ lương 691trđ; quỹ tiền thưởng 49trđ; phụ cấp công vụ 127trđ; chi hành chính 60trđ; kinh phí hoạt động cấp phép đủ điều kiện kinh doanh lĩnh vực karaoke, internet, hoạt động đối kiểm tra liên ngành 814, duy trì hệ thống phần mềm mạng thư viện điện tử, duy trì hệ thống thông tin điện tử các xã, phường... 81trđ; KP hoạt động công tác gia đình 15trđ
	- Thanh tra thành phố	1,317	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 927trđ; Quỹ tiền thưởng 55trđ; phụ cấp công vụ 145trđ, chi hành chính 60trđ; hỗ trợ kinh phí giải quyết đơn thư, tiếp công dân, hoạt động tham mưu chăm điểm phòng chống tham nhũng và các hoạt động đặc thù khác 90trđ; KP trang phục 40 trđ
	- Phòng Giáo dục & Đào tạo	1,626	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 1.161trđ, quỹ tiền thưởng 84trđ; phụ cấp công vụ 217trđ; chi hành chính 84trđ; KP hỗ trợ kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2025 là 80trđ
8.2	Chi ngân sách Đảng	13,704	

Stt	Nội dung	NS thành phố	Ghi chú
8.2.1	Văn phòng Thành uỷ	11,651	Trong đó đã bao gồm: Quỹ lương 5.641trđ; quỹ tiền thưởng theo ND số 73/2024/ND-CP 380trđ; phụ cấp công vụ 1.003trđ; phụ cấp đảng 1.203trđ; chi hành chính 448trđ; Quỹ lương và chi hành chính lao động hợp đồng: 300trđ; chi đặc thù 1.100trđ và các hoạt động chi thường xuyên khác 1.496trđ; BCD quy chế dân chủ 40trđ; Kinh phí hoạt động, BCD công tác tôn giáo 40trđ
8.2.2	Kinh phí tổ chức Đại hội đảng bộ các cấp	1,440	
	- Văn phòng Thành uỷ	946	Trong đó: Đại hội đảng bộ thành phố 903 trđ; Đại hội chi bộ 43trđ
	- Phòng Tài chính - Kế hoạch	10	
	- Phòng Kinh tế	10	
	- Phòng Quản lý đô thị	8	
	- Phòng Văn hoá và thông tin	7	
	- Phòng Lao động - TB&XH	8	
	- Phòng Nội vụ	8	
	- Phòng Tư pháp	7	
	- Phòng Giáo dục & ĐT	183	Trong đó: KP tổ chức đại hội chi bộ phòng GD & ĐT là 8 trđ, KP hỗ trợ đại hội chi bộ trường học: 175 trđ
	- Trung tâm Văn hoá, Thể thao và Truyền thông	170	KP tổ chức các hoạt động ĐH Đảng bộ thành phố 150trđ; Đại hội chi bộ (ĐH điểm) 20trđ
	- Văn phòng HĐND-UBND	15	
	- Phòng Tài nguyên và môi trường	7	
	- Đội Quản lý trật tự đô thị	8	
	- Trung tâm phát triển quỹ đất	7	
	- Thanh tra thành phố	7	
	- Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	11	
	- Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Lai Châu	7	
	- Thành đoàn, Hội CCB	8	
	- Hội Liên hiệp phụ nữ	6	
	- Hội Nông dân	7	
8.2.3	KP thực hiện Quyết định 99 -QĐ/TW	303	
	- Các chi bộ cơ quan	303	
	+ Văn phòng Thành uỷ; Ban Tuyên giáo; Ban Tổ chức; Ủy ban kiểm tra; Ban dân vận	60	
	+ Văn phòng HĐND - UBND	12	
	+ Phòng Quản lý đô thị	14	
	+ Phòng Tư pháp	12	
	+ Phòng Nội vụ	14	
	+ Phòng Tài chính - Kế hoạch	14	
	+ Phòng Tài nguyên & Môi trường	15	
	+ Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	12	
	+ Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông	14	
	+ Phòng Kinh tế	13	
	+ Phòng Lao động TBXH	12	
	+ Phòng Văn hoá và Thông tin	12	
	+ Thanh tra thành phố	12	
	+ Phòng Giáo dục & ĐT	12	
	+ Trung tâm PT quỹ đất	14	
	+ Đội Quản lý trật tự đô thị	12	
	+ Thành đoàn - Hội Cựu chiến binh	10	
	+ Hội liên hiệp Phụ nữ	13	
	+ Hội Nông dân	13	
	+ Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Lai Châu	13	
8.2.4	Phụ cấp cấp ủy các chi bộ cơ quan	310	
	+ Văn phòng Thành uỷ; Ban Tuyên Giáo; Ban Tổ chức; Ủy ban kiểm tra; Ban dân vận	51	

Stt	Nội dung	NS thành phố	Ghi chú
	+ Văn phòng HDND - UBND	34	
	+ Phòng Lao động TBXH	9	
	+ Phòng Nội vụ	17	
	+ Phòng Tài chính - Kế hoạch	17	
	+ Phòng Kinh tế	17	
	+ Phòng văn hóa và thông tin	9	
	+ Hội chữ thập đỏ	9	
	+ Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp	26	
	+ Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông	43	
	+ Phòng Quản lý đô thị	9	
	+ Phòng Tư pháp	9	
	+ Trung tâm PT quy đất	17	
	+ Đội Quản lý trật tự đô thị	17	
	+ Phòng Giáo dục & ĐT	17	
	+ Thành đoàn - Hội Cựu chiến binh	9	
8.3	Đoàn thể	6,256	
8.3.1	Kinh phí đoàn thể	6,031	
	+ Ủy ban MTTQ	1,838	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 995trđ; quỹ tiền thưởng 71trđ; phụ cấp công vụ 185trđ; phụ cấp đoàn thể 221trđ; chi hành chính 72trđ; hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đặc thù công tác Ủy ban MTTQ 250trđ; KP hoạt động ban tư vấn 15trđ; KP ủy viên UBMTTQVN 29trđ
	+ Thành đoàn	1,023	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 446trđ; quỹ tiền thưởng 31trđ; phụ cấp công vụ 81trđ; phụ cấp đoàn thể 97trđ; chi hành chính 48trđ; kinh phí hoạt động các phong trào đoàn 160trđ; KP tham gia góp ý xây dựng đảng thực hiện QĐ 217, 218 là 10trđ; Hỗ trợ kinh phí Đại hội cháu ngoan Bác Hồ là 150trđ
	+ Hội Liên hiệp phụ nữ	1,221	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 610trđ; quỹ tiền thưởng 43trđ; phụ cấp công vụ 114trđ; phụ cấp đoàn thể 136trđ; chi hành chính 48trđ; KP hoạt động đặc thù, tổ chức các hoạt động phong trào, sơ kết, tổng kết, hoạt động kết nghĩa với Đồn biên phòng Huồi Luông 150trđ; KP mua quà cho tân binh 30trđ; KP tham gia góp ý xây dựng đảng thực hiện QĐ 217, 218: 10 trđ; KP thực hiện Đề án 938, 939, KP tổng kết giai đoạn 2018-2025: 80trđ
	+ Hội Nông dân	1,125	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 600trđ; quỹ tiền thưởng 42trđ; phụ cấp công vụ 111trđ; phụ cấp đoàn thể 134trđ; chi hành chính 48trđ; KP hoạt động đặc thù, sơ tổng kết các chương trình, tổ chức tham gia các hội thi, sơ kết giữa nhiệm kỳ và các nhiệm vụ khác 190trđ
	+ Hội Cựu chiến binh	824	Trong đó: Đã bao gồm quỹ lương 449trđ; quỹ tiền thưởng 34trđ; phụ cấp công vụ 89trđ; phụ cấp đoàn thể 106trđ; chi hành chính 36trđ; KP hoạt động đặc thù và các hoạt động khác 110trđ
8.3.2	Hoạt động các hội	225	
	+ Hỗ trợ hoạt động Hội Văn học nghệ thuật	30	Phòng Văn hóa và Thông tin
	+ Hỗ trợ hoạt động Hội Cựu thanh niên xung phong	15	Thành đoàn
	+ Hỗ trợ hoạt động Hội Cựu giáo chức	15	Phòng Giáo dục và Đào tạo
	+ Hỗ trợ hoạt động Hội khuyến học	65	Phòng Giáo dục và Đào tạo: chi hoạt động 15trđ; KP đại hội khuyến học 50trđ
	+ Hỗ trợ hoạt động Hội Cựu chiến binh khối cơ quan	15	Hội Cựu chiến binh
	+ Hỗ trợ hoạt động Hội Luật gia	15	Phòng Tư pháp
9	Chi an ninh - Quốc phòng	3,749	
9.1	Chi hỗ trợ an ninh địa phương	900	
	- Công an thành phố	900	
	+ Hỗ trợ nhiệm vụ An ninh địa phương (đã bao gồm các nhiệm vụ phòng chống tội phạm, phòng chống tệ nạn xã hội; công tác xây dựng phong trào toàn dân xây dựng bảo vệ an ninh tổ quốc; công tác tuần tra đêm tổ 252, KP đảm bảo an ninh trật tự các ngày lễ, kỷ niệm ...)	900	
9.2	Quốc phòng địa phương	2,849	
	- Hỗ trợ quốc phòng địa phương	900	Ban chỉ huy quân sự thành phố

Stt	Nội dung	NS thành phố	Ghi chú
	- Kinh phí dân quân, tự vệ	1,370	
	+ Ban chỉ huy quân sự thành phố	1,370	
	- Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm của DQTV theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP	579	Ban chỉ huy quân sự thành phố
10	Chi khác ngân sách	640	
	- Hỗ trợ kinh phí hoạt động Liên đoàn Lao động	70	KP tổ chức các hoạt động 50trđ; KP tham gia góp ý xây dựng Đảng, phân biệt xã hội theo QĐ số 217, 218 là 10tr; KP thực hiện phong trào "Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hoá" 10trđ
	- Hỗ trợ công tác thu ngân sách	300	Chi cục thuế khu vực thành phố Lai Châu - Tam đường
	- Hỗ trợ kinh phí hoạt động các cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương đóng trên địa bàn thực hiện nhiệm vụ của địa phương	270	
	- Viện kiểm sát nhân dân thành phố	80	
	- Chi cục thi hành án dân sự thành phố	80	
	- Tòa án nhân dân thành phố	110	Đã bao gồm kinh phí hội thẩm
III	Dự phòng ngân sách	9,108	
1	Ngân sách thành phố	9,108	
	Kinh phí tiêm phòng cho dân gia súc gia cầm, phun tiêu độc khử trùng môi trường năm 2024	580	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp
	Ngân sách thành phố	8,528	
2	Dự phòng ngân sách xã, phường	-	
IV	Tăng thu ngân sách 2024	3,500	
	- 70% tăng thu để CCTL theo quy định	2,450	
	- Kinh phí ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để thực hiện Chi thị 40-CT/TW	1,050	
V	Cân đối để thực hiện các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm	1,341	
VI	Nguồn thu sử dụng đất năm 2025 chưa phân bổ	7,613	Thực hiện phân bổ chi tiết khi đạt chi tiêu thu
B	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	4,229	
I	Vốn thực hiện các Chương trình MTQG	4,229	
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	80	
1.1	Vốn sự nghiệp	80	
	- Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	50	
	+ Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Lai Châu	50	
	- Nội dung thành phần số 11 (Nội dung 1): Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình...	30	
	+ Phòng Kinh tế	30	
2	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi	4,149	
2.1	Vốn đầu tư	4,149	
	- Dự án bố trí ổn định dân cư tập trung vùng ĐBKK bản Sin Chải, xã Sùng Phài	1,803	
	- Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hoá truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số - dân tộc Giáy (bản San Thàng, thành phố Lai Châu)	2,346	

Stt	Nội dung chi	Tổng cộng	Phường Đoàn Kết	Phường Tân Phong	Phường Quyết Thắng	Phường Quyết Tiến	Phường Đông Phong	Xã San Thàng	Xã Sùng Phài	Ghi chú
	- Hỗ trợ kinh phí tham gia đại hội thể dục thể thao cấp thành phố	70	10	10	10	10	10	10	10	
4	Đảm bảo xã hội	292	52	70	23	32	41	36	38	
	- Kinh phí mừng thọ, chăm sóc người cao tuổi	218	42	60	13	22	31	26	24	
	- Hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo xã hội	70	10	10	10	10	10	10	10	
	- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP của Chính phủ	4							4	
5	Chi quản lý hành chính cấp xã	50,456	7,502	8,380	6,072	6,785	6,997	6,989	7,731	
	- Quỹ lương cán bộ chuyên trách	19,987	2,862	3,035	2,594	2,960	2,964	2,792	2,780	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	1,429	206	217	186	207	215	200	198	
	- Phụ cấp công vụ	3,664	523	554	475	544	545	512	511	
	- Phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và tổ dân phố, bản	13,213	2,263	2,638	1,239	1,562	1,571	1,688	2,252	
	- Hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội	175	25	25	25	25	25	25	25	
	- Kinh phí thực hiện Quyết định số 99	1,856	293	333	178	255	268	241	288	
	+ Trong đó: Kinh phí hỗ trợ đại hội chi bộ trực thuộc	514	108	133	40	58	69	52	54	
	- Kinh phí tổ chức Đại hội đảng bộ xã, phường, Đại hội các chi hội trực thuộc	1,166	165	165	176	165	165	165	165	
	- KP thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 47/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	652	20		115	-	47	200	270	
	- Hỗ trợ hoạt động tổ dân vận ở bản, tổ dân phố	32	4	5	3	3	3	5	9	
	- Hỗ trợ kinh phí thực hiện Đề án, Nghị quyết	350	50	50	50	50	50	50	50	
	- Kinh phí hỗ trợ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	38	7	8	3	4	4	5	7	
	- Hỗ trợ hoạt động các chi hội thuộc bản đặc biệt khó khăn theo QĐ số 22/QĐ-UBND của UBND tỉnh	29							29	
	- Kinh phí đảm bảo thực hiện cuộc vận động của Ủy ban MTTQVN cấp xã theo NQ số 22/2018/NQ-HĐND	140	20	20	20	20	20	20	20	
	- Hỗ trợ kinh phí hoạt động của Ban công tác mặt trận khu dân cư	326	59	70	25	35	38	40	59	
	- Kinh phí phụ cấp đại biểu HĐND và kinh phí thực hiện Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	1,666	234	229	242	217	244	247	253	

Stt	Nội dung chi	Tổng cộng	Phường Đoàn Kết	Phường Tân Phong	Phường Quyết Thắng	Phường Quyết Tiến	Phường Đông Phong	Xã San Thàng	Xã Sùng Phài	Ghi chú
	- Kinh phí ủy viên BCH Đảng bộ	835	118	118	118	118	118	127	118	
	- Kinh phí chi trả chế độ hằng tháng đối với đảng viên thuộc Đảng bộ tỉnh Lai Châu được tặng huy hiệu Đảng từ 40 năm tuổi đảng trở lên theo NQ số 27/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	69	9				13	29	18	
	- Hưu trí	131			44		87	-	-	
	- Hỗ trợ kinh phí xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc theo Thông tư số 40/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính	138	18	20	20	20	20	20	20	
	- Kinh phí hỗ trợ biên soạn lịch sử đảng bộ phường Tân Phong	200		200						
	- Chi thường xuyên (bao gồm kinh phí chi chuyên môn nghiệp vụ, sửa chữa thường xuyên tài sản, hoạt động trung tâm học tập cộng đồng, KP thực hiện đề án 938,939; KP giám sát, phản biện xã hội, ban thanh tra nhân dân, giám sát cộng đồng; hoạt động văn hóa, thể thao; cải cách hành chính; tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; hoạt động hòa giải ở cơ sở, kinh phí bầu tổ trưởng tổ dân phố, trường bán nhiệm kỳ 2025-2027, KP tổ chức hội nghị biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, hỗ trợ kinh phí xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư... và các nhiệm vụ chi thường xuyên khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định)	4,360	626	693	559	600	600	623	659	
6	Chi quốc phòng	1,106	156	167	135	152	157	150	189	
	- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quân sự quốc phòng địa phương	873	130	140	102	110	115	136	140	
	- Phụ cấp thâm niên, đặc thù theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP	233	26	27	33	42	42	14	49	
7	Chi an ninh	2,760	497	572	232	308	308	346	497	
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 21NQ-HĐND ngày 27/7/2024 của HĐND tỉnh	2,760	497	572	232	308	308	346	497	
8	Dự phòng ngân sách	1,149	170	192	134	149	154	158	192	
II	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG	5,580	-	-	-	-	-	759	4,821	
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	3,763	-	-	-	-	-	759	3,004	
1.1	Vốn sự nghiệp	752	-	-	-	-	-	202	550	

Stt	Nội dung chi	Tổng cộng	Phường Đoàn Kết	Phường Tân Phong	Phường Quyết Thắng	Phường Quyết Tiến	Phường Đông Phong	Xã San Thành	Xã Sùng Phài	Ghi chú
	- Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	752						202	550	
1.2	Vốn đầu tư	3,011	-	-	-	-	-	557	2,454	
	- Đường giao thông nội đồng bản Lũng Thàng, xã Sùng Phài	600							600	
	- Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn giờ giảm tốc trên các tuyến đường xã	252						252		
	- Đường giao thông bản Lò Suối Tùng xã San Thành	305						305		
	- Đường giao thông nội đồng số 02 bản Cấn Câu, xã Sùng Phài	756							756	
	- Đường giao thông nội đồng bản Sùng Phài	662							662	
	- Đường giao thông nội đồng bản Cấn Câu, xã Sùng Phài	436							436	
2	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1,817	-	-	-	-	-	-	1,817	
2.2	Vốn đầu tư	1,817	-	-	-	-	-	-	1,817	
	- Dự án hỗ trợ nhà ở, xã Sùng Phài	200							200	
	- Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Suối Thầu, xã Sùng Phài	275							275	
	- Đường giao thông và hệ thống thoát nước bản Tả Chải	1,342							1,342	

Phụ lục VIII

BIỂU CHI TIẾT DANH MỤC MUA SẮM TÀI SẢN NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND thành phố Lai Châu)

STT	ĐƠN VỊ TÀI SẢN	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN (đồng)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG				1,341,000,000	
I	CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ				902,000,000	
1	Văn phòng Thành ủy				111,000,000	
	Máy tính sách tay (Phục vụ công tác chuyên môn Ban Tổ chức)	Cái	1	15,000,000	15,000,000	
	Máy phô tô copy	cái	1	75,000,000	75,000,000	
	Tủ đựng tài liệu	Cái	2	5,000,000	10,000,000	
	Bàn họp gỗ cơ quan Ban Tuyên giáo Thành ủy	Cái	1	6,000,000	6,000,000	
	Ghế làm việc Xuân Hòa	Cái	10	500,000	5,000,000	
2	Phòng Nội vụ				86,000,000	
	Máy photocopy	Máy	1	75,000,000	75,000,000	
	Máy Scan	Máy	1	10,000,000	10,000,000	
	Ghế xoay chuyên viên	cái	1	1,000,000	1,000,000	
3	Đội quản lý trật tự đô thị				115,000,000	
	Máy vi tính (01 bộ máy tính để bàn; 01 máy tính xách tay)	Bộ	1	15,000,000	15,000,000	
	Máy in hai mặt	Cái	1	10,000,000	10,000,000	
	Máy photocopy	Cái	1	75,000,000	75,000,000	
	Điều hòa	Cái	1	15,000,000	15,000,000	
4	Phòng Tư pháp				7,000,000	
	Bộ bàn ghế tiếp khách (phòng Trưởng phòng)	bộ	1	7,000,000	7,000,000	
5	Văn phòng HĐND-UBND				140,000,000	
	Máy in 2 mặt	cái	5	10,000,000	50,000,000	
	Máy vi tính để bàn	bộ	6	15,000,000	90,000,000	
6	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp				45,000,000	
	Máy vi tính để bàn	bộ	1	15,000,000	15,000,000	
	Máy in 2 mặt	cái	1	10,000,000	10,000,000	
	Điều hòa	cái	1	15,000,000	15,000,000	
	Tủ tài liệu	cái	1	5,000,000	5,000,000	
7	Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thông				15,000,000	
	Máy vi tính để bàn	bộ	1	15,000,000	15,000,000	
8	Phòng Văn hóa và Thông tin				90,000,000	
	Máy vi tính để bàn	bộ	1	15,000,000	15,000,000	
	Máy photocopy	Cái	1	75,000,000	75,000,000	
9	Phòng Tài chính - Kế hoạch				37,000,000	

STT	ĐƠN VỊ/ TÀI SẢN	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN (đồng)	Ghi chú
	Máy vi tính xách tay	bộ	1	15,000,000	15,000,000	
	Máy in 2 mặt	cái	1	10,000,000	10,000,000	
	Máy Scan	cái	1	12,000,000	12,000,000	
10	Phòng Giáo dục - đào tạo				12,000,000	
	Máy Scan	cái	1	12,000,000	12,000,000	
11	Thanh tra thành phố				85,000,000	
	Máy in 2 mặt	cái	1	10,000,000	10,000,000	
	Máy photocopy	cái	1	75,000,000	75,000,000	
12	Trung tâm phát triển quỹ đất				32,000,000	
	Máy vi tính để bàn	bộ	1	15,000,000	15,000,000	
	Máy in 2 mặt	cái	1	10,000,000	10,000,000	
	Bàn làm việc	cái	2	3,000,000	6,000,000	
	Ghế hòa phát	cái	2	500,000	1,000,000	
13	Phòng Tài nguyên và Môi trường				102,000,000	
	Máy vi tính	cái	1	15,000,000	15,000,000	
	Máy photocopy	Máy	1	75,000,000	75,000,000	
	Máy Scan	Máy	1	12,000,000	12,000,000	
14	Phòng Lao động - TBXH				25,000,000	
	Máy tính để bàn	bộ	1	15,000,000	15,000,000	
	Máy in 2 mặt	cái	1	10,000,000	10,000,000	
II	KHỐI ĐOÀN THỂ				89,000,000	
1	Ủy ban MTTQ				22,000,000	
	Máy tính để bàn	bộ	1	15,000,000	15,000,000	
	Bộ bàn + ghế họp	Bộ	1	7,000,000	7,000,000	
2	Hội Liên hiệp phụ nữ				37,000,000	
	Máy vi tính xách tay	bộ	1	15,000,000	15,000,000	
	Máy in 2 mặt	cái	1	10,000,000	10,000,000	
	Máy scan	cái	1	12,000,000	12,000,000	
	Bộ bàn ghế làm việc chuyên viên	bộ				
3	Hội Nông dân				30,000,000	
	Máy tính để bàn	bộ	1	15,000,000	15,000,000	
	Máy in 2 mặt	cái	1	10,000,000	10,000,000	
	Tủ tài liệu	bộ	1	5,000,000	5,000,000	
III	UBND XÃ PHƯỜNG				350,000,000	
1	UBND phường Đoàn Kết				50,000,000	
2	UBND phường Quyết Thắng				50,000,000	
3	UBND phường Tân Phong				50,000,000	
4	UBND xã Sùng Phái				50,000,000	
5	UBND xã San Thàng				50,000,000	
6	UBND phường Quyết Tiến				50,000,000	

STT	ĐƠN VỊ/ TÀI SẢN	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN (đồng)	Ghi chú
7	UBND phường Đông Phong				50,000,000	